

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN**  
**NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỨC THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo**  
**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Thảo

Mã SV: 120480

Lớp: QT 1205K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty  
cổ phần xây dựng phát triển Đức Thịnh

## *NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI*

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

.....

.....

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ ..... và

tên:.....

Học ..... hàm, ..... học

vi:.....

Cơ ..... quan ..... công

tác:.....

Nội ..... dung ..... hướng

dẫn:.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ ..... và

tên:.....

Học ..... hàm, ..... học

vi:.....

Cơ ..... quan ..... công

tác:.....

Nội ..... dung ..... hướng

dẫn:.....

.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày    tháng    năm 2010***

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

---

**PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....



.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....  
.....

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2010

*Cán bộ hướng dẫn*

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> 3	
1.1. Những vấn đề lý luận về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp .....	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp .....	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .....	6
1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp .....	7
1.2.1. Hạch toán kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	7
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	22
<b>CHƯƠNG II TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỨC THỊNH</b> .....	32
2.1. Khái quát về công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	32
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty .....	36
2.1.3. Công tác kế toán tại công ty .....	38
2.2. Tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	41
2.2.1. Đặc điểm tổ chức nguyên vật liệu tại công ty .....	41
2.2.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại công ty .....	42
2.2.3. TK sử dụng của công ty .....	44
2.2.4. Thủ tục nhập- xuất nguyên vật liệu .....	44
2.2.5. Kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .....	55
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỨC THỊNH</b> .....	84
3.1. Đánh giá về sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	84

3.1.1. Những ưu điểm:.....	84
3.1.2. Nhược điểm:.....	85
3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại .....	86
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	87
3.2.1. Sự cần thiết, yêu cầu hoàn thiện, nguyên tắc hoàn thiện, phạm vi và mức độ hoàn thiện .....	87
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh .....	88
<b>KẾT LUẬN</b> .....	94
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	96

## LỜI MỞ ĐẦU

NVL là một trong 3 yếu tố cơ bản, là cơ sở vật chất trong quá trình sản xuất để hình thành thực thể sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí của sản xuất sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng trong giá thành của sản phẩm. Chính vì vậy mà kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp giữ một vị trí quan trọng, nó ghi chép toàn bộ tình hình nguyên vật liệu từ khâu thu mua, nhập kho, xuất dùng, tồn kho, làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu, nó sẽ phản ánh chính xác chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm sản xuất ra, tình hình sử dụng, bảo quản, tồn kho. Tiết kiệm, chi phí nguyên vật liệu là một yếu tố quan trọng để giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguyên vật liệu và kế toán nguyên vật liệu trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, em đã đi sâu tìm hiểu về nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh”

Khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận được kết cấu thành 3 chương:  
***Chương I: Lý luận chung về nguyên vật liệu và tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.***

***Chương II: Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh.***

***Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh.***

Khóa luận được viết nhờ có sự giúp đỡ động viên của Ban Giám Đốc, các cô, chú cán bộ phòng tài chính kế toán công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, các thầy cô giáo trong trường cùng thầy giáo hướng dẫn. Nhưng do thời gian có hạn và trình độ còn nhiều hạn chế nên khóa luận không thể tránh

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

---

khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của BGD, Phòng tài chính kế toán công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

# CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

## 1.1. Những vấn đề lý luận về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

#### 1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vị trí của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

Nguyên vật liệu ( NVL) là một trong ba yếu tố cơ bản không thể thiếu trong quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Về mặt hiện vật : Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh, không giữ nguyên được hình thái ban đầu mà biến đổi cấu thành nên thực thể sản phẩm mới.

Về mặt giá trị : Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này mà nguyên vật liệu được xếp vào loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp.

Ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất: lao động sống, tư liệu lao động và đối tượng lao động, kết hợp với nhau tạo nên giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm mới. Theo Mác: “ Tất cả mọi vật thiên nhiên ở xung quanh ta mà lao động có ích có thể tác động vào để cải tạo ra của cải vật chất cho xã hội đều là đối tượng lao động ”. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, vải trong doanh nghiệp may mặc, ... Bất kỳ một nguyên vật liệu nào cũng là đối tượng lao động nhưng không phải bất cứ đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu mà chỉ trong những điều kiện nhất định, khi lao động của con người có thể tác động vào, biến đổi chúng để phục vụ cho sản xuất hay tái sản xuất sản phẩm mới được gọi là nguyên vật liệu.

Trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu tham gia ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được dùng toàn bộ

và thường là phân bổ một lần (100%) vào giá trị sản phẩm mới. Nói cách khác, giá trị của nguyên vật liệu được dịch chuyển toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mới làm ra. Nguyên vật liệu khi được sử dụng sẽ không giữ nguyên hình thái ban đầu mà nó sẽ bị biến đổi hoàn toàn để cấu tạo nên hình thái vật chất mới của sản phẩm làm ra.

Như vậy, nguyên vật liệu tạo nên giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm mới.

Nó là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất.

### ***1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất***

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp. Mặt khác, nó còn là những yếu tố không thể thiếu, là cơ sở vật chất và điều kiện để hình thành nên sản phẩm.

Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm, mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Nguyên vật liệu có đảm bảo đúng quy cách, chủng loại, kiểu, cỡ đa dạng thì sản phẩm sản xuất mới đạt được yêu cầu và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội.

Trong quá trình sản xuất NVL bị tiêu hao toàn bộ không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó chuyển một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Tăng cường quản lý NVL đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp. Việc quản lý NVL bao gồm các mặt : số lượng cung cấp, chất lượng chủng loại và giá trị. Bởi vậy, công tác kế toán NVL là điều kiện không thể thiếu trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước nhằm cung cấp kịp thời đầy đủ và đồng bộ những NVL cần thiết cho sản xuất, kiểm tra được các định mức dự trữ, tiết kiệm NVL trong sản xuất, ngăn ngừa và hạn chế mất mát, hư hỏng, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Đặc biệt là cung cấp thông tin cho bộ phận kế toán nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán quản trị.

### ***1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp***

❖ *Sự cần thiết phải tăng cường công tác quản lý vật liệu:*

Trước khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải có nguyên vật liệu, vì vậy quản lý NVL là nhân tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi, mức độ và phương pháp quản lý cũng khác nhau. Nền kinh tế ngày càng phát triển thì phương pháp quản lý cũng ngày càng hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của một xã hội hiện đại và tất nhiên, phương pháp hạch toán nguyên vật liệu cũng được hoàn thiện theo.

Hiện nay, cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển sản xuất doanh nghiệp cần tìm mọi biện pháp quản lý, sử dụng nguyên vật liệu hợp lý và tiết kiệm, đóng góp một phần đáng kể giúp doanh nghiệp đạt được mức lợi nhuận tối ưu. Để quản lý vật liệu chặt chẽ, doanh nghiệp cần cải tiến và tăng cường công tác quản lý cho phù hợp với thực tế sản xuất nhằm đạt được những mục tiêu, kế hoạch đề ra trong quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ *Mục tiêu quản lý nguyên vật liệu:*

Trong nền kinh tế thị trường, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mỗi quan hệ tỷ lệ nghịch giữa lợi nhuận và chi phí cũng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp đều ra sức tìm biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra mối tương quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Việc quản lý NVL càng khoa học, cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý NVL trong tất cả các khâu càng phải chặt chẽ.

❖ *Phương pháp quản lý nguyên vật liệu:*

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng mở rộng và phát triển không ngừng về quy mô, chất lượng trên cơ sở thoả mãn vật chất, văn hoá của cộng đồng xã hội.



Theo đó, phương pháp quản lý, cơ chế quản lý và cách thức hạch toán vật liệu cũng hoàn thiện hơn. Trong điều kiện hiện nay, việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm vật liệu có hiệu quả càng được coi trọng, làm sao để cùng một khối lượng vật liệu có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất, giá thành hạ mà vẫn đảm bảo chất lượng. Do vậy, việc quản lý nguyên vật liệu phụ thuộc vào khả năng và sự nhiệt thành của các cán bộ quản lý. Quản lý vật liệu được xem xét trên các khía cạnh sau:

- *Khâu thu mua*: Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp, nó thường xuyên biến động trên thị trường. Các doanh nghiệp cần phải có kế hoạch sao cho có thể liên tục cung ứng đầy đủ nhằm đáp ứng kịp thời cho sản xuất về khối lượng, quy cách, chủng loại, giá cả phải hợp lý.

- *Khâu bảo quản*: Việc bảo quản vật liệu tại kho, bãi cần thực hiện theo đúng chế độ quy định cho từng loại vật liệu, phù hợp với tính chất lý hoá của mỗi loại, với quy mô tổ chức của doanh nghiệp, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí vật liệu, đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý đối với vật liệu.

- *Khâu dự trữ*: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường, không dự trữ vật liệu quá nhiều gây ứ đọng vốn và cũng không quá ít làm ngưng trệ, gián đoạn cho quá trình sản xuất.

- *Khâu sử dụng*: Phải tiết kiệm hợp lý trên cơ sở xác định các định mức tiêu hao nguyên vật liệu và dự toán chi phí, sử dụng đúng định mức quy định, đúng quy trình sản xuất, đảm bảo tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trong tổng giá hành.

Như vậy, quản lý nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết của công tác quản lý nói chung và quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm nói riêng.

### ***1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp***

Quản lý vật liệu và tổ chức hạch toán NVL là hai công việc quan trọng đi liền với nhau. Hạch toán kế toán NVL chính xác, kịp thời và đầy đủ giúp Ban lãnh đạo nắm được chính xác tình hình thu mua, dự trữ và sử dụng NVL, so

sánh thực tế với kế hoạch dự trữ. Từ đó có biện pháp quản lý thích hợp, giúp việc hạch toán giá thành sản phẩm được chính xác. Trong chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao NVL còn là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển nguyên vật liệu cả về mặt giá trị và hiện vật, tính toán đúng đắn trị giá vốn (hay giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ yêu cầu lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch về thu mua, sử dụng nguyên vật liệu, tổ chức đánh giá, phân loại nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Qua đó, phát hiện và xử lý kịp thời nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa trường hợp sử dụng phi pháp và lãng phí nguyên vật liệu.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho của doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu về tình hình hiện có và số biến động tăng giảm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

- Kế toán phải cùng với các bộ phận khác trong đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm kê định kỳ với hàng tồn kho nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa số liệu trên sổ sách kế toán với số vật tư, hàng hoá thực tế trong kho.

## **1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp**

### **1.2.1. Hạch toán kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

#### **1.2.1.1 Phân loại nguyên vật liệu**

Phân loại nguyên vật liệu là căn cứ vào tiêu thức nào đó tùy theo yêu cầu quản lý để sắp xếp từng thứ, từng loại vật liệu vào cùng một tiêu thức.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải sử dụng nhiều thứ nguyên vật liệu khác nhau và mỗi loại có tính năng lý hóa riêng. Để quản lý có hiệu quả đòi hỏi phải nhận biết từng thứ, từng loại vật liệu được chặt chẽ hơn, được chính xác hơn. Để phân loại vật liệu hiện nay người ta sử dụng một số tiêu thức cụ thể sau:

✚ Căn cứ vào nội dung kinh tế và công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh thì nguyên vật liệu được chia thành các loại như sau

- Nguyên vật liệu chính (có thể bao gồm nửa thành phẩm mua ngoài): Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm mới được sản xuất ra như: sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản; bông trong các nhà máy sợi; vải trong các nhà máy may... Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục trong quá trình sản xuất ra sản phẩm hàng hóa như sợi mua ngoài trong các doanh nghiệp dệt cũng được coi là nguyên vật liệu chính.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm có thể làm tăng chất lượng nguyên vật liệu chính và sản phẩm phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ sản xuất cho nhu cầu công nghệ, cho việc bảo quản, bao bì sản phẩm như các loại thuốc nhuộm, dầu nhòn, xà phòng...

- Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng khí như than, xăng, dầu, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, các phương tiện máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.

- Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải ...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ,...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phoi bào, vải vụn, sắt, gạch...)

- Vật liệu khác: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ như bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng...

Trên thực tế việc phân chia sắp xếp vật liệu theo từng loại nói trên là căn cứ vào vị trí, vai trò của vật liệu trong quá trình sản xuất ở từng đơn vị cụ thể. Việc phân loại như vậy chỉ có ý nghĩa tương đối, bởi vì có loại vật liệu ở doanh nghiệp này là vật liệu chính nhưng ở doanh nghiệp khác lại là vật liệu phụ. Thậm chí ngay trong cùng một doanh nghiệp, có loại vật liệu lúc được sử dụng như vật liệu chính nhưng cũng có lúc sử dụng như vật liệu phụ.

✚ Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:

- Vật liệu mua ngoài: là vật liệu sử dụng trong kinh doanh được doanh nghiệp mua ngoài ở thị trường.

- Vật liệu sản xuất: là những vật liệu do doanh nghiệp tự chế biến hoặc thuê ngoài chế biến.

- Vật liệu từ những nguồn khác: nhận góp vốn liên doanh, biếu tặng, tài trợ, cấp phát,...

Việc phân loại này tạo tiền đề cho việc quản lý, sử dụng riêng các loại vật liệu từ nhiều nguồn khác nhau trên cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

✚ Căn cứ vào mục đích sử dụng, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nhượng bán.

+ Đem vốn góp liên doanh.

+ Đem biếu tặng.

### ***1.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu***

### **1.2.1.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu**

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định

- *Nguyên tắc giá gốc*: Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Nguyên tắc thận trọng*: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- *Nguyên tắc nhất quán*: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

### **1.2.1.2.2. Các phương pháp đánh giá nguyên vật liệu**

Đánh giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh,

Đánh giá vật liệu phụ thuộc vào phương pháp quản lý và hạch toán vật liệu:  
Phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp được áp dụng phổ biến

hiện nay. Đặc điểm của phương pháp này là mọi nghiệp vụ nhập, xuất vật liệu đều được kế toán theo dõi, tính toán và ghi chép thường xuyên theo quá trình phát sinh.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có đặc điểm là trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép các nghiệp vụ nhập vật liệu, còn giá trị vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

Có nhiều cách đánh giá vật liệu nhập, xuất kho nhưng chúng ta có thể chia ra thành hai phương pháp chính :

- Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.
- Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.

*a. Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá thực tế*



*Xác định trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho*

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Nội dung giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo từng nguồn nhập:

- *Đối với nguyên vật liệu mua ngoài :*

Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm: giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu phải nộp( nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt( nếu có), thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, bảo hiểm,... nguyên vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong quy định( nếu có).

- *Đối với nguyên liệu tự sản xuất:*

Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm: giá thực tế của nguyên vật liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

- *Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm: giá thực tế của nguyên vật liệu xuất thuê ngoài gia công, chế biến, chi phí vận chuyển đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công, chế biến.

- *Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh:*

Trị giá vốn thực tế nhập kho: là giá thỏa thuận do hội đồng liên doanh đánh


giá và công nhận.

- *Đối với nguyên vật liệu được tặng, thưởng, viện trợ:*

Trị giá vốn thực tế nhập kho: là giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá thị trường tương đương cộng chi phí liên quan đến việc chấp thuận do hội đồng giao nhận xác định.

- *Đối với phế liệu thu hồi:*

Trị giá vốn nguyên vật liệu nhập kho: là giá ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

 *Xác định trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho*

Nguyên vật liệu được nhập thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, cho nên giá thực tế của từng lần nhập kho là không giống nhau. Do đó khi xuất kho, kế toán phải tính toán chính xác giá thực tế xuất kho nguyên vật liệu cho các nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp tính giá thực tế đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Để tính giá thực tế vật liệu xuất kho có thể áp dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp trực tiếp (đích danh):*

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, giá trị của từng loại nguyên vật liệu tương đối lớn có thể nhận diện được từng lô hàng.

+ Ưu điểm: Công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

+ Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền: (liên hoàn, cả kỳ)*

Theo phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và

giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \text{Đơn giá bình quân}$
---

+ Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân cả} \\ \text{kỳ của mặt hàng } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng } i \text{ tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng giá hàng } i \text{ nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng } i \text{ tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lượng hàng } i \text{ nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$
--

*Ưu điểm:* giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết NVL so với phương pháp nhập trước-xuất trước và nhập sau-xuất trước, không phụ thuộc vào số lần nhập, xuất của từng danh điểm NVL.

*Nhược điểm:* dồn công việc tính giá NVL vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác, đồng thời sử dụng phương pháp này cũng phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL.

\* *Phương pháp giá thực tế bình quân sau mỗi lần nhập.*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{sau lần nhập } j \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } j}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } j}$$

*Ưu điểm:* tính giá NVL xuất kho kịp thời.

*Nhược điểm:* khối lượng công việc tính toán nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL. Phương pháp này chỉ sử dụng được ở những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL và số lần nhập của mỗi loại không nhiều

- *phương pháp nhập trước- xuất trước(FIFO)*

Theo phương pháp này NVL được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giá định vật liệu nào nhập trước thì được xuất dùng trước, vì vậy lượng NVL xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính giá thực tế của lần nhập đó.



- Như vậy, nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao và giá trị vật liệu xuất dùng nhỏ nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng. Ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn sẽ dẫn đến giá thành sản phẩm cao và lợi nhuận giảm.

- Phương pháp này thích hợp trong kỳ lạm phát và áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

*Ưu điểm:* Cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ có lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

*Nhược điểm:* Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí NVL nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

- *Phương pháp nhập sau-xuất trước (LIFO).*

Phương pháp nhập sau-xuất trước là phương pháp mà NVL được tính theo giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định là lô NVL nào nhập vào kho sau sẽ được xuất dùng trước, vì vậy việc tính giá của NVL làm ngược lại với phương pháp nhập trước-xuất trước.

Phương pháp này cũng được áp dụng với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong kỳ giảm phát.

*Ưu điểm:* Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

*Nhược điểm:* Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

*b.Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán*

Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất nhiều mặt hàng thường sử dụng nhiều loại nhóm, thứ nguyên liệu. Nếu áp dụng nguyên tắc tính theo giá gốc thì rất phức tạp, khó đảm bảo yêu cầu kịp thời của kế toán. Doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập, phiếu xuất và sổ kế toán chi tiết.

Giá hạch toán là giá do kế toán của doanh nghiệp tự xây dựng, có thể là giá kế hoạch hoặc giá trị thuần có thể thực hiện trên thị trường. Giá hạch toán được sử dụng thống nhất trong toàn doanh nghiệp và tương đối ổn định lâu dài. Nếu có sự biến động lớn về giá cả, doanh nghiệp cần xây dựng lại hệ thống giá hạch toán.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu phải tuân thủ nguyên tắc tính theo giá trị thực tế. Cuối tháng kế toán phải xác định hệ thống số chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá trị hạch toán để điều chỉnh thành giá trị thực tế.

Hệ số giá giữa giá thực tế và giá hạch toán của từng loại nguyên vật liệu, vật liệu tính theo công thức :

$$\text{Hệ số giá (H)} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}}$$

Sau đó tính trị giá vốn thực tế của NVL xuất kho :

$$\text{Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho trong kỳ} = \text{Hệ số giá} * \text{Trị giá hạch toán của NVL xuất kho trong kỳ}$$

Tùy theo yêu cầu và trình độ quản lý mà hệ số giá NVL có thể tính theo từng nhóm hay từng thứ vật liệu, việc áp dụng phương pháp tính toán cần phải nhất quán trong các niên độ kế toán. Giá hạch toán chỉ được sử dụng trong hạch toán chi tiết vật liệu, còn trong hạch toán tổng hợp vẫn phải sử dụng giá thực tế.

*Ưu điểm:* Phương pháp giá hạch toán phản ánh kịp thời biến động của giá trị các loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

*Nhược điểm:* Việc sử dụng giá hạch toán để phản ánh vật liệu chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Điều kiện áp dụng: Thường áp dụng trong doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, giá cả luôn luôn biến động và việc nhập kho diễn ra thường xuyên.

### ***1.2.1.3. Nhập xuất nguyên vật liệu và các phương pháp kế toán chi tiết NVL***

#### ***1.2.1.3.1. Chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu***

Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, từng thứ vật liệu và phải được tiến hành đồng thời ở kho và ở phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ. Thông thường các doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ bắt buộc sau (Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006)

- Phiếu nhập kho: Mẫu số 01- VT
- Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT.
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 05-VT.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01 GTGT) nếu doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Hóa đơn bán hàng ( mẫu số 02 GTGT) nếu doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

Ngoài ra, tùy theo từng doanh nghiệp có thể có các nghiệp vụ phát sinh riêng như điều chuyển vật tư nội bộ thì sử dụng thêm “ phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ”. Nếu vật tư được sử dụng liên tục, nhiều lần theo định mức thì có thể sử dụng thêm “ phiếu xuất kho vật tư theo mức hạn chế”. Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng các chứng từ khác hay các chứng từ riêng của doanh nghiệp để có thêm các chỉ tiêu cần thiết.

Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố

nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán được lập kịp thời, đầy đủ.

#### **1.2.1.3.2. Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

Sổ kế toán dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế. Trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp pháp, sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu phục vụ cho việc hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu. Tùy thuộc vào phương pháp kế toán áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết sau :

- Sổ (thẻ) kho
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư

Ngoài ra còn mở thêm các Bảng kê nhập, Bảng kê xuất, Bảng lũy kế tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết đơn giản, kịp thời.

#### **1.2.1.3.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp bao gồm 3 phương pháp:

Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư. Nội dung, cách thức, trình tự kế toán chi tiết bao gồm những công việc ghi chép của thủ kho tại kho, của kế toán tại phòng kế toán. Tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng phương pháp khác nhau.

##### **1) Phương pháp thẻ song song**

\* Quy trình hạch toán:

Theo phương pháp này, việc ghi chép diễn ra song song cả ở kho và ở phòng kế toán.

*Tại kho:* thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên

vật liệu về mặt lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

*Tại phòng kế toán:* mở sổ(thẻ) kế toán chi tiết vật liệu cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương đương thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả mặt giá trị. Hằng ngày, hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập “Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu” về mặt giá trị của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số lượng của phòng kế toán tổng hợp. Ngoài ra, để quản lý chặt chẽ thẻ kho, nhân viên kế toán vật liệu còn mở sổ đăng ký thẻ kho, khi giao thẻ kho cho thủ kho kế toán phải ghi vào sổ.

\* *Điều kiện áp dụng:* phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hoạt động nhập xuất vật tư không thường xuyên và có trình độ nghiệp vụ kế toán còn hạn chế.

\* *Nhận xét:*

-Ưu điểm

+ Đơn giản, dễ ghi chép

+ Dễ kiểm tra đối chiếu số liệu của thẻ kho và của kế toán chi tiết nguyên vật liệu

+ Có thể hạch toán theo giá hạch toán hoặc theo giá thực tế

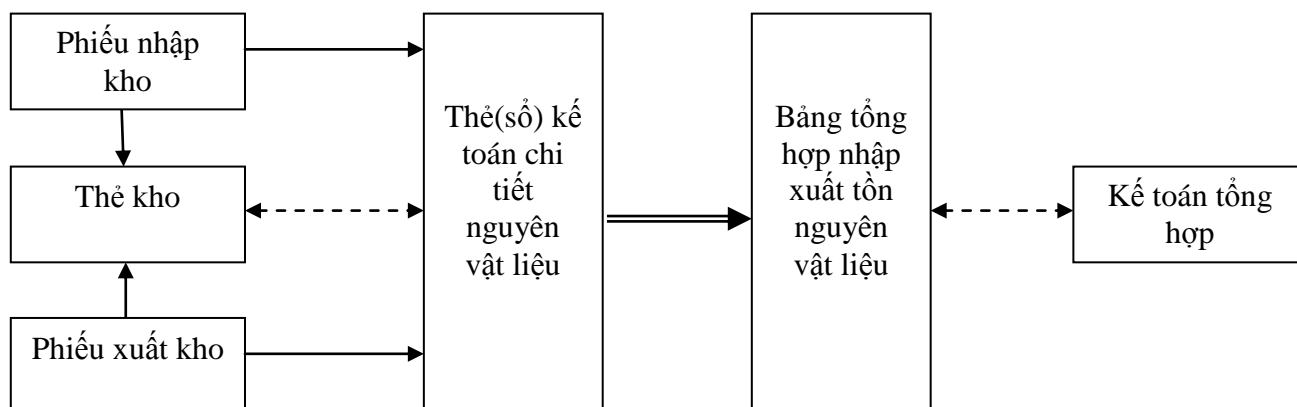
- Nhược điểm: + ghi trùng lặp giữa kế toán và thủ kho + khối lượng ghi chép lớn

+ Việc kiểm tra đối chiếu tiến hành vào cuối tháng. Do vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

Công việc kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song được tóm tắt

theo sơ đồ sau: **Sơ đồ 1**

**Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra  $\longleftrightarrow$

2) Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

\* Quy trình hạch toán:

*Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

*Tại phòng kế toán:* Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

\**Điều kiện áp dụng:*

Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

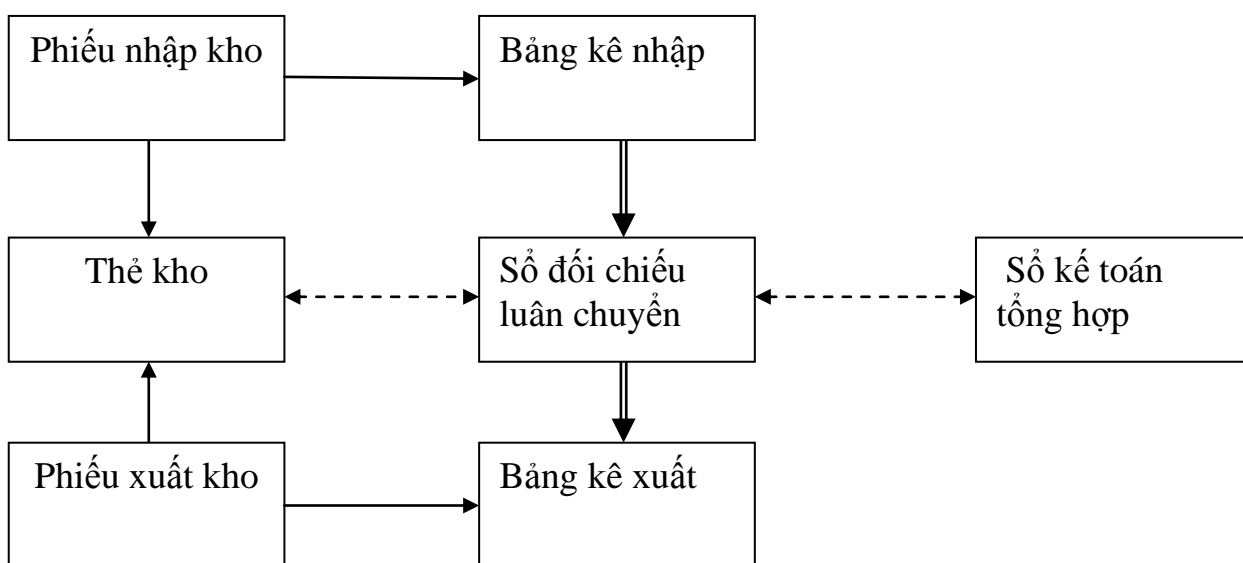
\**Nhận xét:*

*Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

*Nhược điểm:* Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

Công việc kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được tóm tắt theo sơ đồ sau: **Sơ đồ 2**

**Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**3) Phương pháp sổ số dư**

\* Quy trình hạch toán:

Theo phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của kế toán, trên cơ sở kết hợp đó ở kho chỉ hạch toán về mặt lượng còn ở phòng kế toán thì hạch toán về mặt giá trị, xóa bỏ việc ghi chép song song trùng lặp.

*Tại kho:* Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

*Tại phòng kế toán:* Định kỳ nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ, khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá chứng từ tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu( nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Tiếp đó cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư

*\* Điều kiện áp dụng:*

Phương pháp này được áp dụng đối với những doanh nghiệp có chủng loại vật tư khá lớn, việc nhập, xuất kho nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, hàng ngày, cán bộ kế toán có trình độ vững vàng, thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao. Có như vậy mới tránh được sự nhầm lẫn, sai sót.

*\* Nhận xét:*

- Ưu điểm:

- + Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán không bị trùng lặp
- + Giảm nhẹ rất nhiều khối lượng ghi chép của kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- + Công việc được tiến hành đều trong tháng tạo điều kiện cung cấp thông



tin kịp thời cho quản lý doanh nghiệp

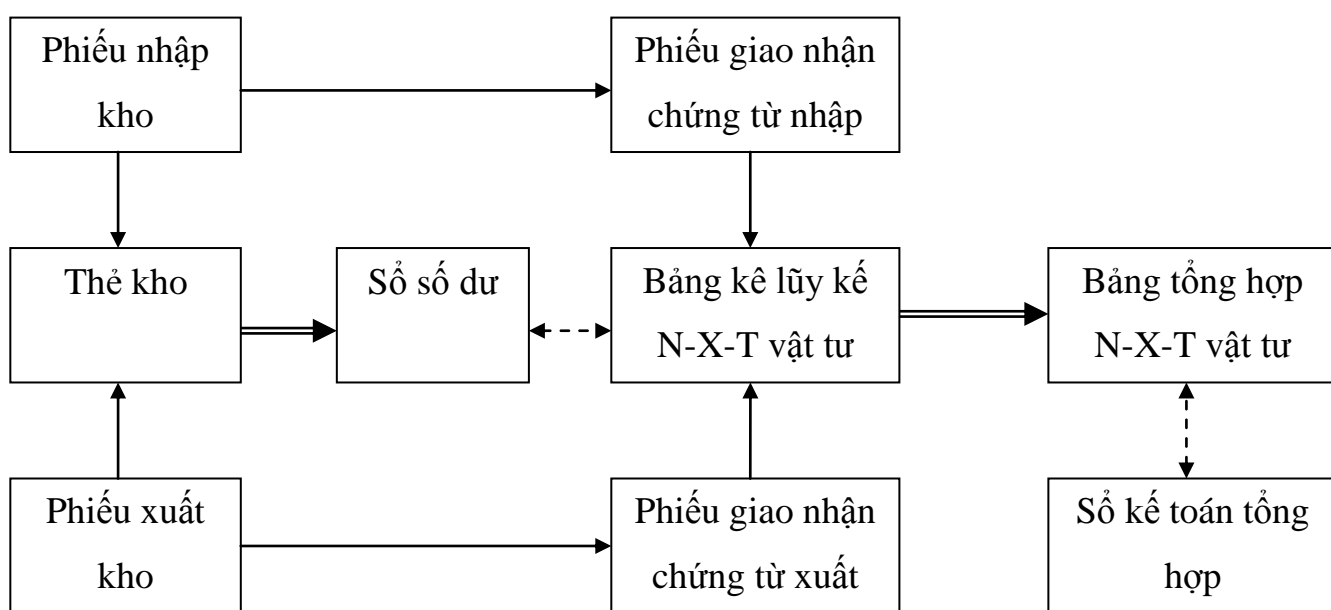
- Nhược điểm:

+ Việc ghi chép phức tạp, đòi hỏi cả thủ kho và kế toán vật liệu phải có trình độ

+ Khi có sự cố không ăn khớp số liệu giữa thủ kho và kế toán nguyên vật liệu thì rất khó phát hiện và mất nhiều thời gian.

Công việc hạch toán theo phương pháp sổ số dư được tóm tắt theo sơ đồ sau: **Sơ đồ 3**

**Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Mỗi phương pháp phải được tiến hành trong những điều kiện nhất định mới có thể phát huy được các ưu điểm và hạn chế nhược điểm. Chính vì vậy khi hạch toán nguyên vật liệu, các doanh nghiệp cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quản lý nguyên vật liệu.

**1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**

Theo chế độ hiện hành có 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp nào phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán

### ***1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên***

#### ***1.2.2.1.1. Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên***

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta hiện nay vì những ưu điểm của nó. Tuy nhiên với những doanh nghiệp nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ mất rất nhiều công sức. Dầu vậy phương pháp này có trình độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời nhất.

Như vậy, việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho sau khi được tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi vào các tài khoản và các sổ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho được áp dụng phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại, kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ô tô,...

#### ***1.2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng***

Để kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

❖ Tài khoản 152: nguyên vật liệu

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động tăng, giảm, tồn kho các loại nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo giá thực tế. Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ vật tư tùy theo yêu cầu

quản lý và phương tiện tính toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152 như sau:

*Bên nợ TK 152: Trị giá nguyên vật liệu tăng*

- Trị giá mua của nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ
- Chi phí thu mua nguyên vật liệu nhập kho
- Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho
- Trị giá nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến.
- Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa khi kiểm kê.

*Bên có TK 152: Trị giá nguyên vật liệu giảm*

- Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ.
- Các khoản giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại.
- Trị giá nguyên vật liệu thiếu, hư hỏng mất phẩm chất trong kho.

*Số dư bên nợ: Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ*

❖ **Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường**

Tài khoản này dùng để theo dõi nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho( kể cả số đã gửi cho người bán).

*Bên nợ:* Trị giá hàng mua đang đi đường

*Bên có:* Trị giá hàng đang đi đường về nhập kho hoặc chuyển bán thẳng

*Số dư bên nợ:* Trị giá hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như:

**Tài khoản 133**” Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ”: Tài khoản này dùng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Các doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì không sử dụng tài khoản 133, vì trong giá mua đã bao gồm cả VAT đầu vào

**Tài khoản 331**” Phải trả người bán” : Để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người

cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết; tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính phủ.

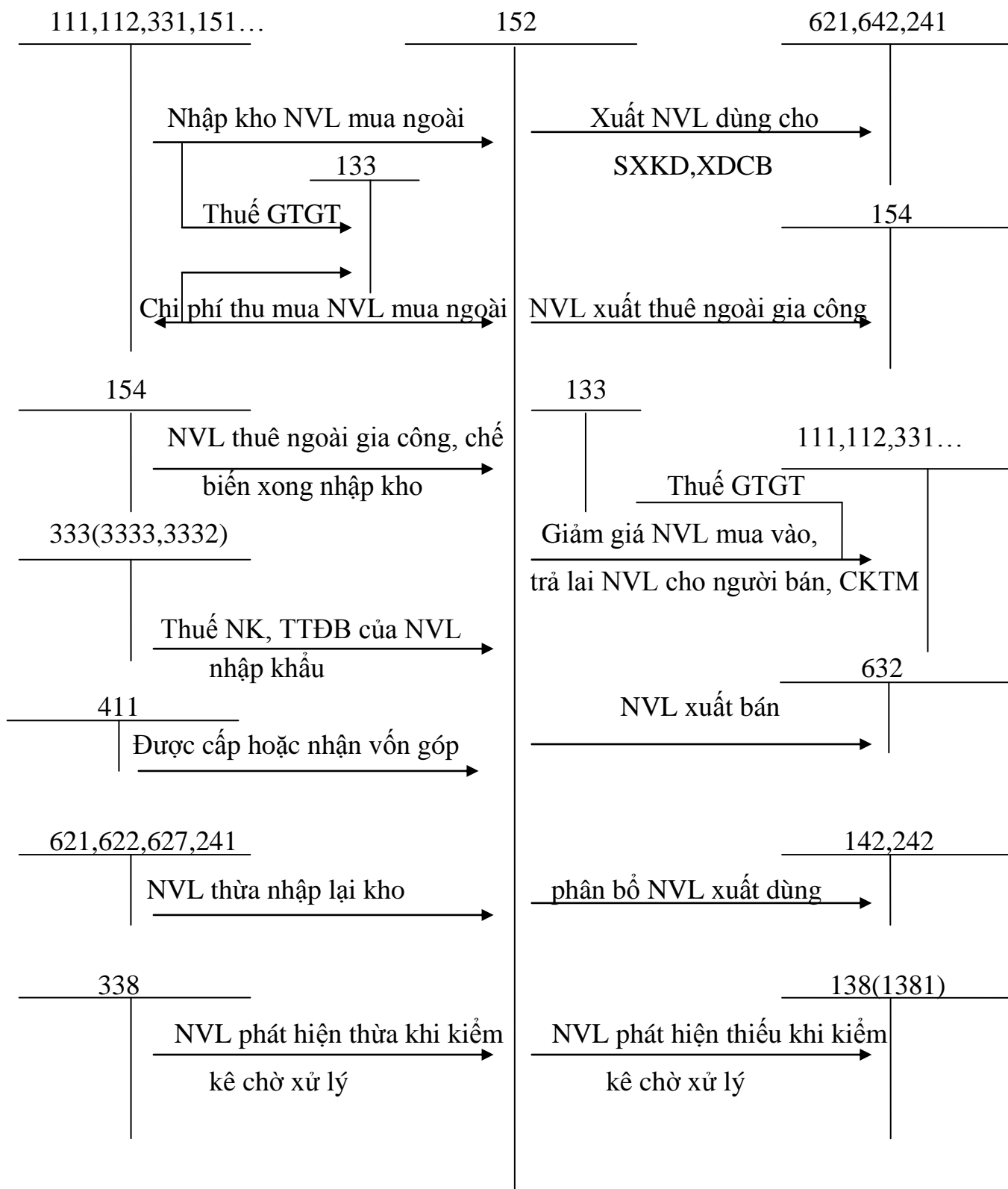
Tài khoản 331 không mở tài khoản cấp 2 mà được mở chi tiết theo từng đối tượng.

- Tài khoản 111: Tiền mặt
- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Tài khoản 141: Tạm ứng
- Tài khoản 222: Góp vốn liên doanh
- Tài khoản 411: Nguồn vốn kinh doanh

#### ***1.2.2.1.3. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ***

Trình tự hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX được khái quát theo sơ đồ sau:

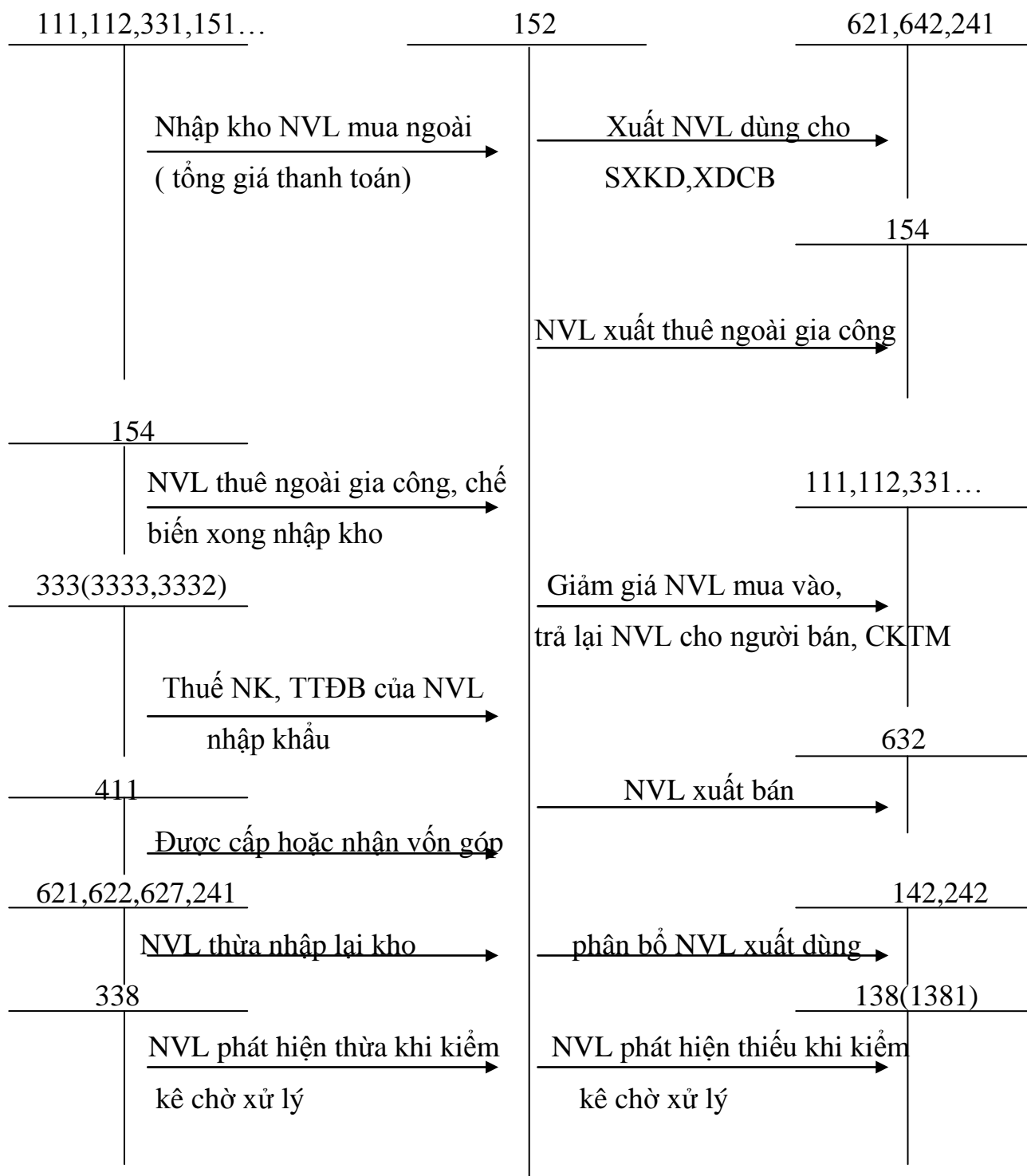
**Sơ đồ 4:** Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên ( tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



**1.2.2.1.4. Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKTX, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

Trình tự kế toán tương tự như trên, chỉ khác phần thuế GTGT đầu vào được tính vào giá trị thực tế nhập kho thể hiện ở sơ đồ hạch toán sau:

**Sơ đồ 5:** Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên ( tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



### 1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

#### 1.2.2.2.1. Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

➤ Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất nguyên vật liệu trên các tài khoản mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số lượng kiểm kê hàng tồn kho. Việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trên tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà lại căn cứ vào giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ. Bởi vậy, trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị nguyên vật liệu xuất dùng (xuất bán) cho từng đối tượng, nhu cầu khác nhau: sản xuất hay phục vụ quản lý, bán ra ngoài...

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ, chỉ tiến hành một loại hoạt động, hoặc ở các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị thấp, mặt hàng nhiều. Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép và nó chỉ thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh những chủng loại hàng hóa, vật tư khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

#### 1.2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán áp dụng các tài khoản:

❖ Tài khoản 611: mua hàng

Dùng để theo dõi số vật liệu, chưa dùng đầu kỳ, chưa dùng cuối kỳ và tăng thêm trong kỳ theo giá thực tế từ đó xác định giá trị vật liệu dụng cụ xuất dùng trong kỳ

Giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ	=	Giá trị vật liệu tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị vật liệu tăng thêm trong kỳ	-	Giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ
-------------------------------------	---	---------------------------------	---	-------------------------------------	---	----------------------------------

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611 “ mua hàng” như sau:

Bên nợ:

- Kết chuyển trị giá thực tế vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ
- Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ

Bên có:

- Kết chuyển trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa kiểm kê lúc cuối kỳ
- Trị giá thực tế của vật tư hàng hóa xuất trong kỳ
- Trị giá thực tế vật tư, hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ trong kỳ
- Chiết khấu mua hàng, giảm giá hàng mua, hàng mua trả lại người bán.

Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư và được ghi chi tiết thành hai tài khoản khác nhau:

- + Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu
- + Tài khoản 6112: mua hàng hóa

Tài khoản 152, 151: Đây là tài khoản phản ánh hàng tồn kho, không dùng để theo dõi tình hình nhập, xuất trong kỳ mà chỉ dùng ở đầu kỳ để kết chuyển số đầu kỳ, số cuối kỳ để phản ánh giá trị tồn kho thực tế cuối kỳ.

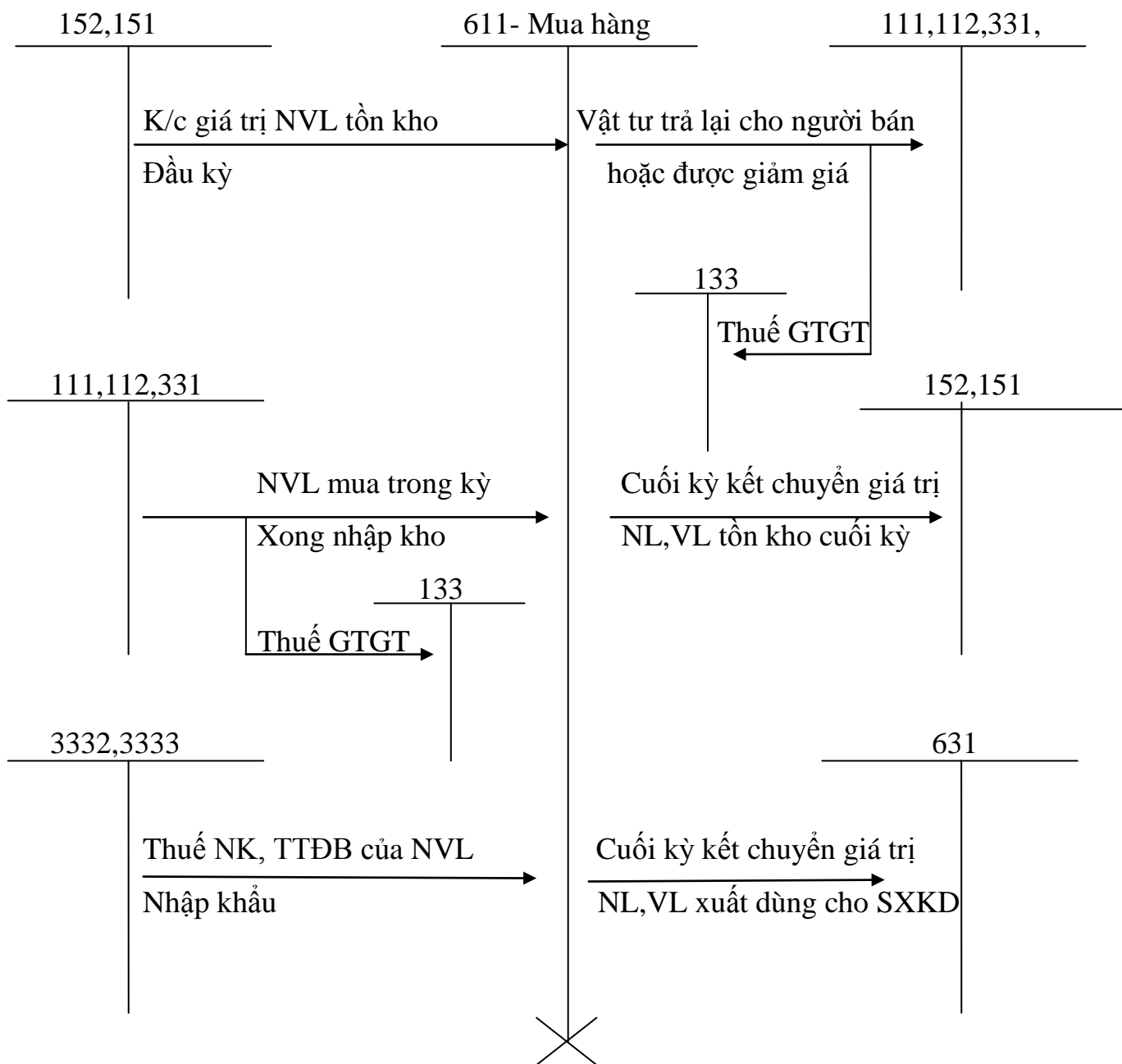
Ngoài ra, kế toán cũng sử dụng các tài c khác như: TK 133, TK 331,TK111,TK 112.... Các TK này có kết cấu giống như phương pháp KKTX.

### ***1.2.2.2.3.Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ***

Trình tự hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được phản ánh qua sơ đồ sau:

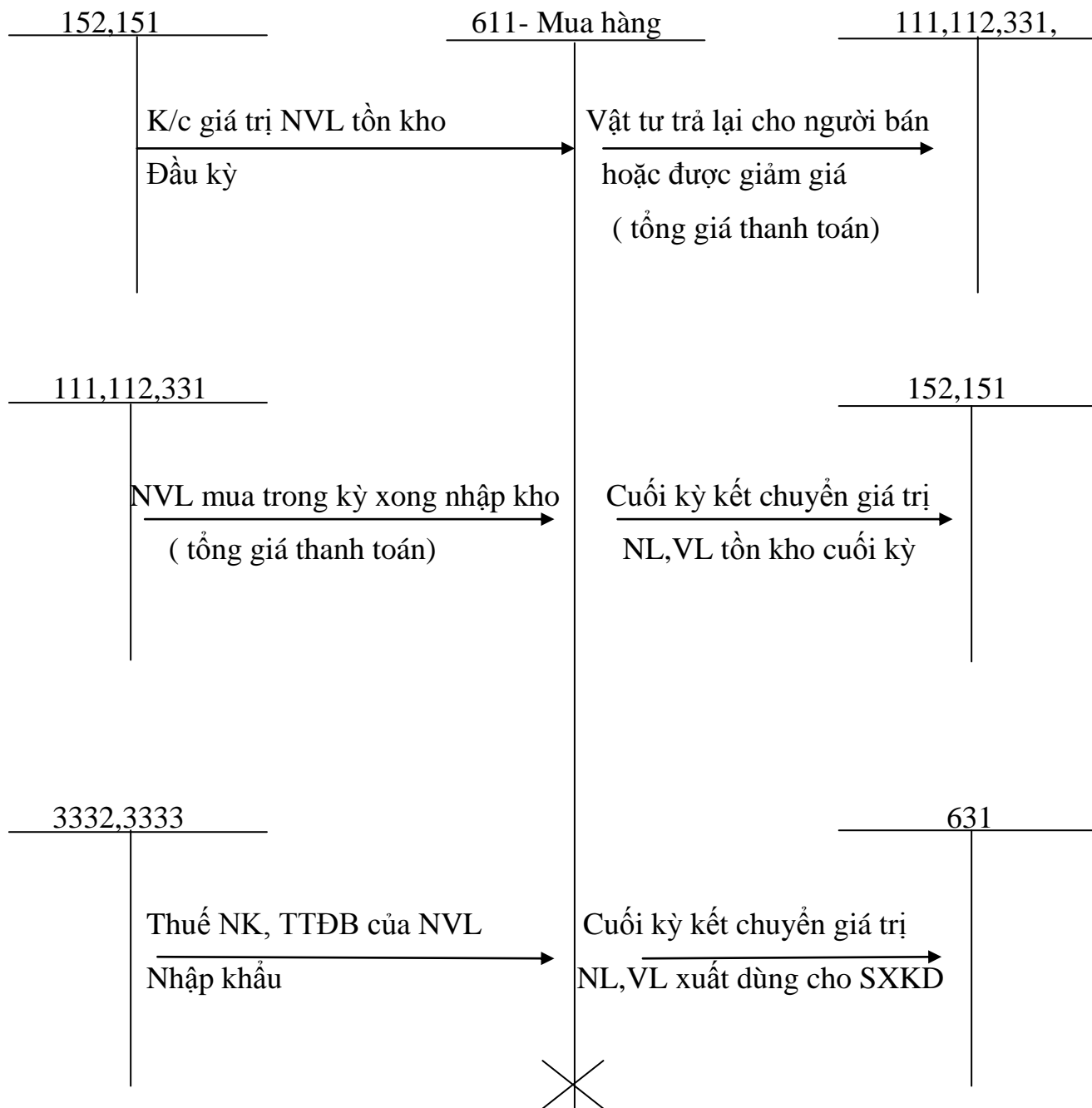


**Sơ đồ 6:** Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK  
( tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



**1.2.2.2.4. Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

**Sơ đồ 7:** Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK  
( tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



Trong 4 phương pháp trên thì phương pháp Kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là một phương pháp phổ biến, được áp dụng để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp cũng như các công ty. Bởi vậy, em xin phép chỉ đi sâu nghiên cứu phương pháp Kê khai thường xuyên và tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

## CHƯƠNG II

### TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỨC THỊNH

#### 2.1. Khái quát về công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

❖ Quá trình hình thành:

- Tên công ty: công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh
- Giám đốc: Nguyễn Văn Lực
- Tên giao dịch: công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh
- MST: 5700491296

- Trụ sở chính: Tổ 7-Khu Nam Trung- Phường Nam Khê- T.P Uông Bí- Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 033.850347- 0913539947

- Vốn điều lệ: 5668000000 đồng (năm tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng Việt Nam) được thể hiện do các cổ đông công ty đóng góp vốn dưới đây:

+ Ông Nguyễn Văn Chuân có số vốn góp: 3668000000 (ba tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng) tương ứng với 36680 cổ phần chiếm 64.7% tổng số vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Văn Lực có số vốn góp: 1500000000 (một tỷ năm trăm triệu đồng) tương ứng với 15000 cổ phần chiếm 26.5% tổng số vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Trọng Khương có số vốn góp: 500000000 (năm trăm triệu đồng) tương ứng với 5000 cổ phần chiếm 8.8% tổng số vốn điều lệ.

- Mệnh giá cổ phần: 10000 đồng

❖ Quá trình phát triển:

Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng là một trong yếu tố quan trọng đối với một doanh nghiệp. Nó quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Vì vậy, qua mỗi kỳ hạch toán kế toán doanh nghiệp cần phân tích xem kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình như thế nào để từ đó đưa ra được những phương hướng hoạt động cho kỳ sau.

## Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

Toàn bộ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh được thể hiện qua các chỉ tiêu sau: tổng tài sản, doanh thu, chi phí, lao động tiền lương, lợi nhuận, Thuế nộp ngân sách nhà nước.

Đơn vị: đồng

<b>Năm</b> <b>Chỉ tiêu</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài sản	10.685.668.290	22.785.841.390	
Doanh thu	18.377.338.452	33.204.404.847	
Lao động( lương)	9.675.400.000	11.719.500.000	
Chi phí	18.308.983.141	33.060.704.368	
Lợi nhuận	68.355.309	143.700.479	
Nộp Ngân sách	29.701.547	45.230.000	

- *Chỉ tiêu tổng tài sản*: là bao gồm toàn bộ tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của doanh nghiệp

Năm 2011 tổng tài sản là: 22.785.841.390

Năm 2010 tổng tài sản là: 10.685.668.290

Qua số liệu trên ta thấy tổng tài sản của doanh nghiệp năm 2011 so với năm 2010 tăng một lượng tuyệt đối là: 12.100.173.100 và tăng tương đối là 113,23%

Đây là dấu hiệu cho thấy công ty đã không ngừng lớn mạnh

- *Chỉ tiêu doanh thu*: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được từ việc bán sản phẩm và dịch vụ của mình ra thị trường trong một thời gian nhất định. Doanh thu của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh là số tiền thu được từ việc bàn giao các công trình xây dựng hoàn thành, đây là chỉ tiêu quan trọng trong nhóm chỉ tiêu tài chính.

Năm 2011 doanh thu là: 33.204.404.847

Năm 2010 doanh thu là: 18.377.338.452

Qua số liệu trên ta thấy doanh thu của doanh nghiệp năm 2011 so với năm 2010 tăng một lượng tuyệt đối là 14.827.066.395 và tăng tương đối là 80,68%

Đây là dấu hiệu cho thấy mức độ tăng trưởng kinh tế của công ty là rất lớn.

Công ty không ngừng phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững, đưa doanh thu ngày càng cao

Việc tăng doanh thu do những nguyên nhân sau:

\* Nguyên nhân chủ quan

Do công ty mở rộng quy mô sản xuất, tổng số lao động tăng, năng suất lao động tăng dẫn đến tăng doanh thu.

\* Nguyên nhân khách quan

Do những nhân tố thuộc về chính sách chế độ nhà nước: chính sách giá cả, thuế, chính sách tiền lương, chính sách về đầu tư xây dựng ... Đây là nhân tố khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều chịu sự tác động của nó.

- *chỉ tiêu lao động:*

Trong xây dựng cơ bản thì yếu tố con người là vô cùng quan trọng nó quyết định năng suất lao động, chất lượng sản phẩm do trình độ thành thạo về tay nghề của người lao động, máy móc thiết bị dù có hiện đại đến đâu đi nữa cũng không thể thay thế được sức lao động của con người.

Năm 2011 tổng quỹ lương là: 11.719.500.000

Năm 2010 tổng quỹ lương là : 9.675.400.000

Qua số liệu trên ta thấy tổng quỹ lương của công ty năm 2011 tăng lên so với năm 2010 một lượng tuyệt đối là 2.044.100.000, ứng với 21,12%. Điều này chứng tỏ công ty luôn quan tâm đến đời sống của công nhân.

- *chỉ tiêu chi phí*

Tổng chi phí của doanh nghiệp là tổng các khoản chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Năm 2011 tổng chi phí là : 33.060.704.368

Năm 2010 tổng chi chi phí là: 18.308.983.141

Qua số liệu trên ta thấy tổng chi của công ty năm 2011 so với năm 2010 tăng một lượng tuyệt đối là 14.751.721.227 và tăng tương đối là 80,57%. Cùng với mức tăng của giá trị sản xuất và tổng thu thì tổng chi của công ty tăng đáng kể. Chi phí của công ty cổ phần xây dựng phát triển đức thịnh tăng có thể do những nguyên nhân sau:

\* Nguyên nhân chủ quan

Do công ty đã quan tâm nhiều hơn đến đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty

\* Nguyên nhân khách quan

Do chính sách của nhà nước về tiền lương và giá cả nguyên vật liệu thay đổi theo chiều hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng.

Do trong quá trình sản xuất kinh doanh phát sinh thêm nhiều khoản mục chi phí gián tiếp tác động đến sản xuất của công ty.

Do công ty chưa thực hiện triệt để việc tiết kiệm định mức các chi phí.

- *chỉ tiêu lợi nhuận:*

Lợi nhuận của doanh nghiệp là phần thu nhập còn lại sau khi bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào thì chỉ tiêu lợi nhuận là chỉ tiêu quan trọng nhất.

Lợi nhuận của doanh nghiệp được xác định bằng hiệu số giữa doanh thu và chi phí, lợi nhuận là chỉ tiêu cuối cùng của doanh nghiệp. Nhìn vào chỉ tiêu lợi nhuận ta biết được quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý sản xuất kinh doanh, tiến độ phát triển của doanh nghiệp.

Năm 2011 tổng lợi nhuận là 143.700.479

Năm 2010 tổng lợi nhuận là 68.355.309

Tổng lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2011 so với năm 2010 tăng một lượng tuyệt đối là 75.345.170, tương ứng là 110,23%. Điều đó cho thấy công ty làm ăn có hiệu quả, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

- *chỉ tiêu thuế nộp ngân sách nhà nước:*

Năm 2011 số phải nộp ngân sách nhà nước là 45.230.000

Năm 2010 số phải nộp ngân sách nhà nước là 29.701.547

Qua số liệu trên ta thấy số phải nộp ngân sách nhà nước năm 2011 so với năm 2010 tăng một lượng tuyệt đối là 15.528.453, ứng với 52,28%. Khoản nộp ngân sách nhà nước của công ty đã phần nào góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

❖ Lĩnh vực hoạt động :

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

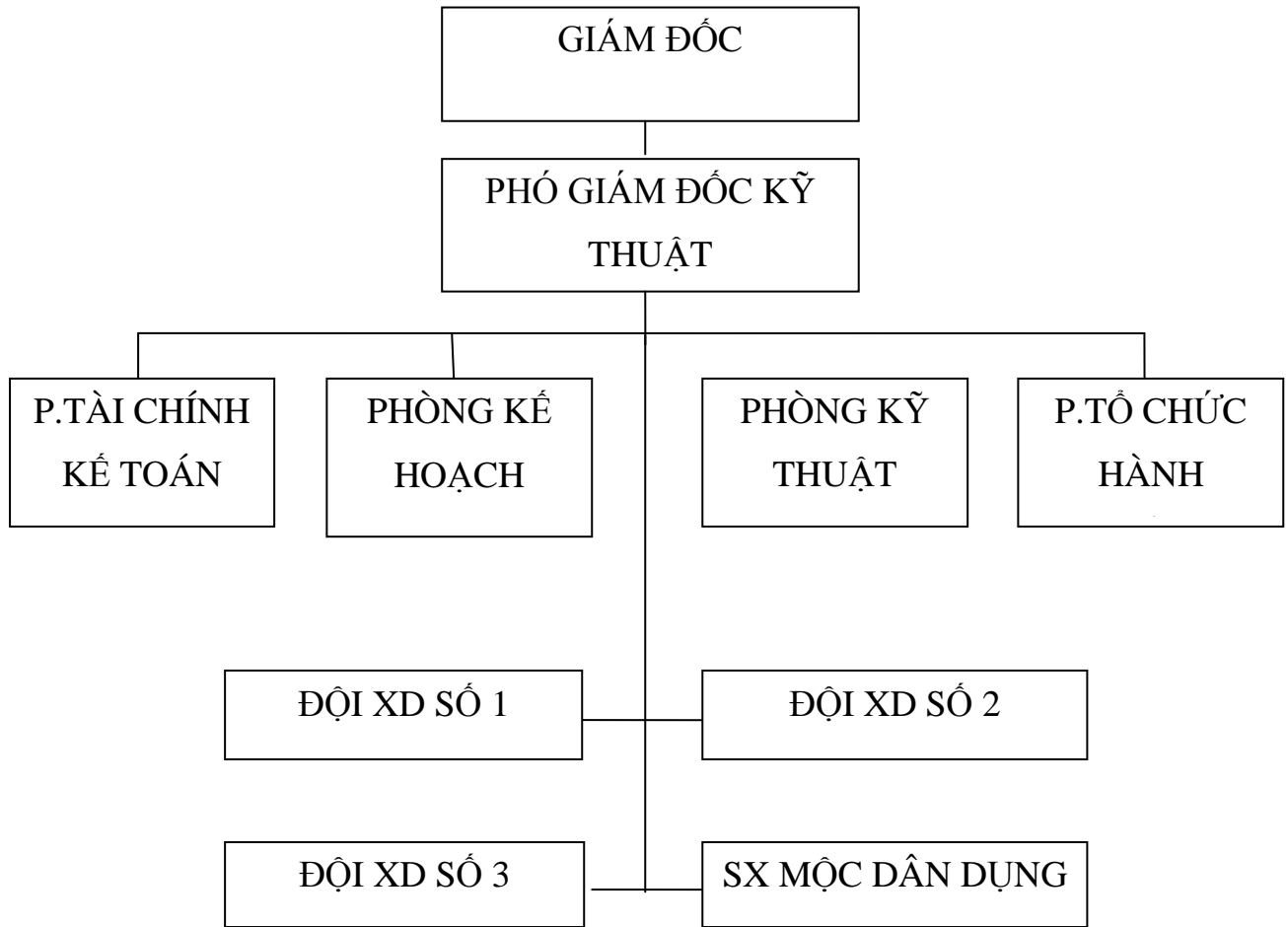
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- Xây dựng các công trình giao thông ( đường xá, cầu cống, và các công trình phụ trợ phục vụ giao thông)
- Xây dựng các công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng và san lấp mặt bằng.

**2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty**

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng, từ Giám đốc công ty đến các phòng, phân xưởng, đội. Qua đó chức năng quản lý được chuyên môn hoá, tận dụng được năng lực của các cán bộ chuyên viên đầu ngành trong từng lĩnh vực. Các quyết định của bộ phận chức năng chỉ có ý nghĩa về mặt hành chính đối với các bộ phận trực tuyến khi đã thông qua người lãnh đạo cao nhất hay được người lãnh đạo cao nhất uỷ quyền. Các tổ đội, phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ xây dựng từ trên đưa xuống đảm bảo chất lượng được giao

**Sơ đồ 8: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:**



*Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:*

- *Giám đốc:* điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu mọi trách nhiệm với công ty.

- *Phó giám đốc kỹ thuật:* là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động khác của công ty. Khi giám đốc đi vắng có ủy quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn công ty.

- *Phòng tổ chức hành chính:*Thực hiện công việc quản lý nhân sự như tuyển dụng lao động, giải quyết chính sách, chế độ cho người lao động

- *phòng kỹ thuật:* Căn cứ vào kế hoạch cấp trên giao, lập hồ sơ thiết kế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ cho phòng kế hoạch lập hồ sơ dự toán công trình đã được duyệt. Đối với công trình đấu thầu ngoài căn cứ thiết kế kỹ thuật của bên A, tổ chức kiểm tra hồ sơ và các chỉ tiêu kế hoạch để vạch ra phương án thi công tối ưu nhất vừa đảm bảo thiết kế, đồng thời đảm bảo an toàn vệ sinh lao



động trong thi công. Giám sát thi công và nghiệm thu các công trình về mặt kỹ thuật; Thanh quyết toán về khối lượng và lập hồ sơ hoàn công. Công tác đăng kiểm, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ cho các thiết bị, máy móc đảm bảo quá trình vận hành.

- *Phòng kế hoạch*: Trên cơ sở kế hoạch sản xuất do cấp trên giao, căn cứ vào yêu cầu vật tư của các công trình, tổng hợp yêu cầu vật tư của các đội, cân đối để cung cấp kịp thời cho các công trình thuộc xí nghiệp quản lý, phục vụ thi công, thu mua và cung cấp các loại vật tư cho các công trình. Lập kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các kỳ báo cáo (tháng, quý, năm), lập dự án đầu tư thiết bị và soạn thảo các hợp đồng kinh tế của công ty, đảm bảo đúng luật pháp và hiệu quả kinh tế.

- *Phòng tài chính kế toán*: có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính, theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý vốn và sử dụng vốn, lập và gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng, tổ chức bảo quản lưu trữ chứng từ.

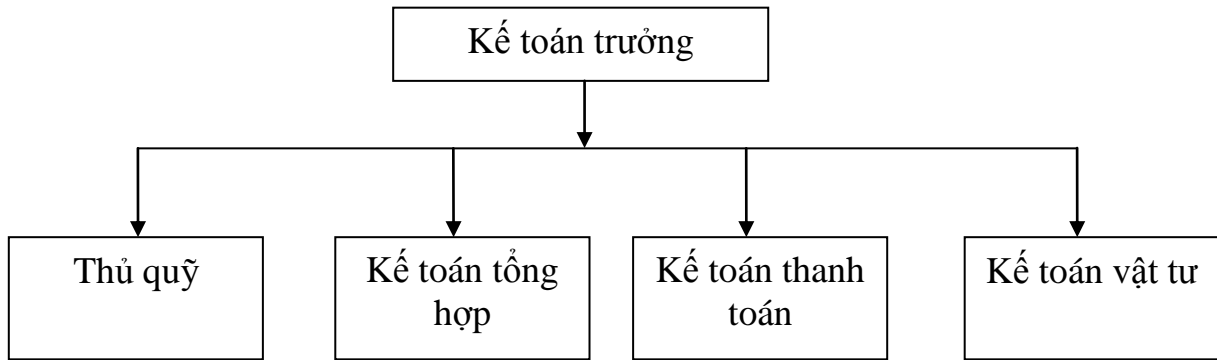
- *Các đội xây dựng, xưởng sản xuất mộc dân dụng*: Tổ chức thực hiện lắp đặt và giám sát thi công tại các dự án Công ty, phối hợp với Phòng Kinh doanh để nắm bắt thêm những thông tin liên quan đến khách hàng, nhà cung cấp.

### **2.1.3. Công tác kế toán tại công ty**

#### **2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

Bộ máy kế toán của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh được tổ chức theo loại hình tập trung các nghiệp vụ kế toán phát sinh được tập trung ở phòng kế toán công ty. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra, thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

**Sơ đồ 9: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



- Kế toán trưởng: là người đứng đầu bộ máy kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

- Kế toán tổng hợp: Đối chiếu và tổng hợp số liệu kế toán do các kế toán viên chuyển sang để ghi vào sổ cái tổng hợp cho các phần hành, thực hiện các bút toán kết chuyển, khóa sổ kế toán cuối kỳ, tổng hợp chi phí giá thành cho các công trình. Giám sát kiểm tra công tác hạch toán kế toán của nhân viên, lập báo cáo tài chính của công ty.

- Kế toán thanh toán: Theo dõi tình hình thu- chi, sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty. Theo dõi tình hình thanh toán công nợ của công ty với các đối tượng: khách hàng, nhà cung cấp, nội bộ công ty.

- Kế toán vật tư: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.

- Thủ quỹ: có nhiệm vụ bảo quản tiền mặt, thực hiện thu- chi đối với các chứng từ thanh toán được cấp trên phê duyệt

**2.1.3. 2. Tổ chức vận dụng hệ thống TK, hệ thống chứng, hệ thống BCTC tại công ty**

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh tổ chức vận dụng hệ

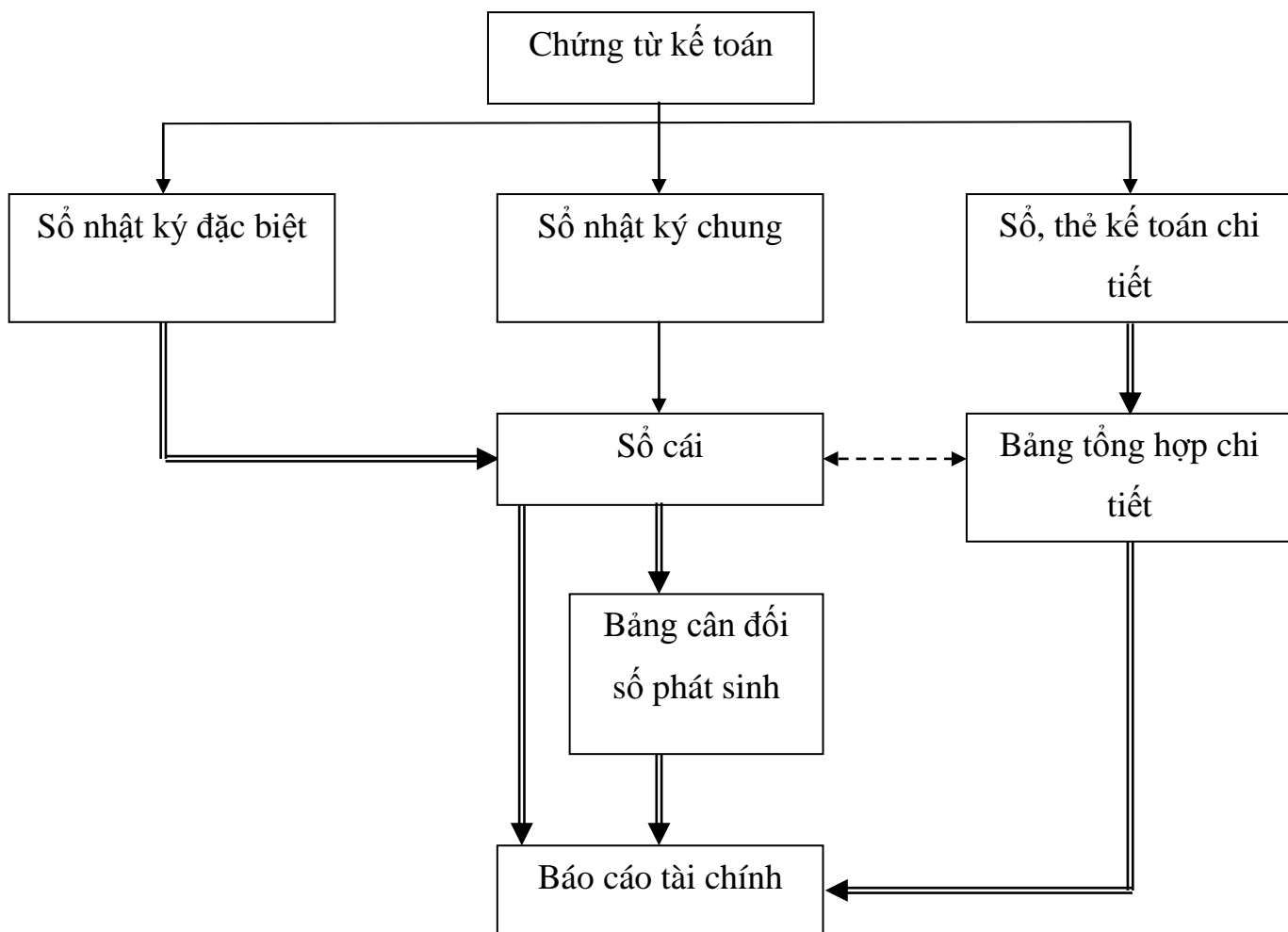
thống TK, hệ thống chứng từ, hệ thống BCTC ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty

Công ty cổ phần xây dựng phát triển đức thịnh áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung áp dụng tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh. (Sơ đồ 10)

**Sơ đồ 10:** Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra  $\longleftrightarrow$

#### **2.1.3.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty**

Hiện nay, công ty thực hiện chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá đích danh.

- Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên

- phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho : Thẻ song song

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ.

Như vậy, công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh là một trong những doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

### **2.2. Tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh**

#### **2.2.1. Đặc điểm tổ chức nguyên vật liệu tại công ty**

Công ty có một kho tại Ưông Bí- Quảng Ninh để quản lý nguyên vật liệu cho các công trình có quy mô vừa và nhỏ tại Ưông Bí và các vùng phụ cận. Còn các công trình tại các địa phương khác và các công trình lớn thì các đội thi công trực tiếp mua vật liệu phục vụ công trình đang thi công.

Sản phẩm của công ty là các công trình xây dựng được phân bố ở nhiều nơi, số lượng nguyên vật liệu bỏ gồm nhiều chủng loại, cách khác nhau với khối lượng mua, rất lớn và diễn ra một cách thường xuyên, liên tục. Mỗi loại nguyên vật liệu có vai trò tính năng lý hóa khác nhau. Tại các công trình thì có bên A giám sát nên việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu không mấy khó khăn. Tại

kho công ty có phòng vật tư quản lý.

Tại các công trình ở những địa phương khác toàn bộ vật liệu mua về được chuyển thẳng đến chân công trình để quản lý và theo dõi. Tại mỗi chân công trình có được đó được coi là một kho nhỏ của công ty và đội trưởng xây dựng phải có trách nhiệm theo dõi, quản lý trực tiếp nguyên vật liệu, nếu nguyên vật liệu bị thất thoát thì đội trưởng phải tự bỏ tiền riêng ra bù.

Tại kho công ty phòng vật tư mua nguyên vật liệu về nhập kho để phục vụ cho các công trình tại khu vực Ưông Bí và các vùng phụ cận do nhân viên phòng vật tư quản lý.

### **2.2.2 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại công ty**

#### **2.2.2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu**

##### **❖ Phân loại nguyên vật liệu**

Để tiến hành thi công xây dựng nhiều công trình khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu, công cụ dụng cụ có vai trò, tính năng lý hoá riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác nguyên vật liệu thì phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý. Tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh tiến hành phân loại nguyên vật liệu như sau:

- Nguyên vật liệu không được chia thành vật liệu chính, vật liệu phụ mà gọi chung là vật liệu chính. Đây là đối tượng lao động chủ yếu của đơn vị, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm xây dựng cơ bản. Nó bao gồm hầu hết các loại vật liệu mà đơn vị sử dụng: xi măng, cát, đá, gạch, ngói, vôi, gỗ.....Tuy nhiên các loại vật liệu chính đơn vị không quản lý thông qua kho.

- Nhiên liệu: Là loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho các loại máy móc, xe cộ như xăng, dầu.

- Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị mà đơn vị sử dụng bao gồm phụ tùng thay thế các loại máy móc, máy cày, máy trộn bê tông và phụ tùng thay thế của xe ô tô như: các mũi khoan, săm lốp ô tô...

- Phế liệu thu hồi: bao gồm các đoạn thừa của thép, tre, gỗ không dùng được nữa, vỏ bao xi măng... Nhưng hiện nay đơn vị không thực hiện được việc thu hồi phế liệu nên không có phế liệu thu hồi.

❖ *Đánh giá nguyên vật liệu*

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật tư.

**2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu**

Tính giá nguyên vật liệu là dùng thước đo giá trị của vật liệu theo những phương pháp nhất định, bảo đảm yêu cầu chân thực và thống nhất.

**2.2.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho**

Tại công ty cổ phần xây dựng phát triển đức thịnh, nguyên vật liệu được mua từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá cả thu mua cũng khác nhau, chi phí thu mua từng thứ, từng loại cũng khác nhau, nhưng đều hạch toán theo giá thực tế.

- Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế
- + Nếu doanh nghiệp mua theo hợp đồng kinh tế thì giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá thảo luận ghi trên hợp đồng (+) chi phí thu mua (nếu có).
- + Nếu doanh nghiệp không mua theo hợp đồng thì giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá mua ghi trên hóa đơn (+) chi phí thu mua (nếu có). Trong đó chi phí thu mua bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ và công tác phí của cán bộ thu mua.

**Giá thực tế NVL = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí mua liên quan - Các khoản**

**Nhập vào (chưa có thuế VAT) (nếu có) giảm trừ**

**VD:** Theo HĐGTGT số 0078564 ngày 10 tháng 12 năm 2011, mua gạch ốp 200 x300 của công ty cổ phần VLXD Thiên Hương, với số lượng là 472m<sup>2</sup>, đơn giá 78.000 đ/m<sup>2</sup>.

Giá thực tế = Giá mua ghi trên hóa đơn GTGT + chi phí thu mua

$$\begin{aligned} &= 472 \times 78.000 + 0 \\ &= 36.816.000(\text{ đồng}) \end{aligned}$$

#### **2.2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Do nguyên vật liệu của công ty có khối lượng lớn, nên việc tính giá nguyên vật liệu được thực hiện theo phương pháp đích danh. Theo phương pháp này thì vật liệu nhập theo giá nào thì xuất theo đúng giá đó

#### **VD:**

Ngày 12/10: công ty mua 30 tấn xi măng PC30 với đơn giá 801.500đ/ tấn  
Ngày 22/10 công ty xuất 20 tấn xi măng PC30 cho công trường thi công. Vậy đơn giá của lần xuất này là 801.500đ/ tấn

$$\begin{aligned} \text{Giá trị lần xuất xi măng ngày 22/10} &= \text{số lượng} \times \text{đơn giá} \\ &= 20 \times 801.500 = 16.030.000(\text{ đồng}) \end{aligned}$$

#### **2.2.3. TK sử dụng của công ty**

- Để hạch toán nguyên vật liệu công ty sử dụng TK 152 và được mở chi tiết cho từng đối tượng nguyên vật liệu để hạch toán cho thuận lợi.
- Để tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ kế toán sử dụng TK 154 “ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và chi tiết theo từng công trình.
- Một số Tk liên quan: 112,111,331...

#### **2.2.4. Thủ tục nhập- xuất nguyên vật liệu**

Công ty chỉ tiến hành thủ tục nhập xuất tại kho của công ty, còn lại các công trình lớn hoặc công trình nằm ở xa thì không tiến hành thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu. Tại đây, nhân viên kỹ thuật có trách nhiệm lập bảng “ dự trữ mua sắm vật tư” dựa trên cơ sở kế hoạch sản xuất thi công và định mức tiêu hao vật tư đã được phòng kỹ thuật thi công lập và phòng vật tư ký, sau đó trình cho đội trưởng ký duyệt. Sau đó, nhân viên kỹ thuật ở đội tiến hành đi mua vật tư xây dựng theo bảng “ dự trữ mua sắm vật tư” đó. Tất cả các nguyên vật liệu mua về đều được chuyên thẳng tới chân công trình kèm theo HĐGTGT hay biên lai mua hàng. Tại chân công trình, đội trưởng cùng nhân viên kỹ thuật và nhân viên bên A tiến hành kiểm nhận vật liệu rồi đưa vào phục vụ thi công.

#### **2.2.4.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu**

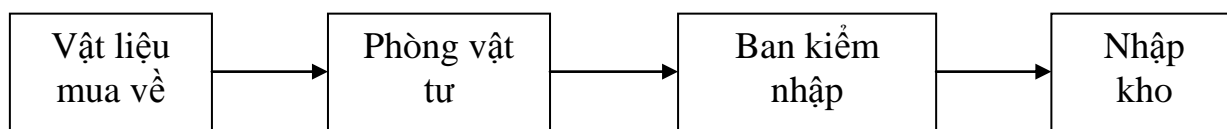
- Nguyên vật liệu khi mua về tại kho của công ty đều phải được kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho. Khi nguyên vật liệu về đến kho sẽ được nhân viên phòng kỹ thuật kiểm tra chất lượng và quy cách vật liệu. Khi nguyên vật liệu đã đảm bảo quy cách và chất lượng thì mới tiến hành thủ tục nhập kho. Căn cứ vào hóa đơn GTGT cán bộ thu mua lập “phiếu nhập kho” và đề nghị thủ kho cho nhập kho nguyên vật liệu, thủ kho cho nhập kho theo đúng phiếu nhập kho đã lập về số lượng chủng loại nguyên vật liệu.

- Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

+ 1 liên lưu phòng kế hoạch

+ 1 liên thủ kho giữ làm cơ sở vào thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán

+ 1 liên giao cho người nhập hàng làm thủ tục thanh toán



- Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và ký vào phiếu nhập kho, giữ lại một bản lấy số liệu ghi vào thẻ kho. Thủ kho có trách nhiệm sắp xếp nguyên vật liệu trong kho một cách khoa học, hợp lý đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra nhập- xuất kho nguyên vật liệu. Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ, kế toán vật tư tiến hành tính ra số tiền trên mỗi phiếu nhập kho và ghi và ghi vào cột thành tiền

$$\text{Thành tiền} = \text{số lượng} \times \text{đơn giá}$$

Cuối tháng kế toán ghi vào bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu và đối chiếu giá trị nguyên vật liệu với kế toán tổng hợp và kế toán thanh toán.

**VD1:**

Ngày 25/10/2011 cán bộ thu mua của công ty mua sơn ICI Dulux supreme cao cấp của CTy TNHH Hải Phong theo hóa đơn GTGT số 0045664. Số lượng là 1086kg, giá mua chưa thuế là 56.600đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt. Các chứng từ liên quan đến thủ tục nhập kho được tiến hành như sau: **Biểu số 1**



**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
 Liên 2: Giao cho khách hàng  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT-3LL  
**NE/2011B**  
**0045664**

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH HẢI PHONG
Địa chỉ:.....	46 Nam Trung- Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	<b>MST: 5700354278</b>
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Song Hào

Tên đơn vị: công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

Số tài khoản: 102020000237856

Hình thức thanh toán : CK      MS: 5700491296

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	son ICI Dulux supreme cao cấp	kg	1086	56.600	61.467.600
	/				
Cộng tiền hàng:					61.467.600
Thuế suất GTGT: 10%    Tiền thuế GTGT:					6.146.760
Tổng cộng thanh toán					67.614.360
Số tiền viết bằng chữ : sáu mươi bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn ba trăm sáu mươi đồng					

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NVL về đến công ty, trước khi nhập kho sẽ được Hội đồng nghiệm thu lập “Biên bản kiểm nghiệm” để kiểm tra, xác định số lượng, quy cách, chất lượng vật tư làm căn cứ để quy trách nhiệm thanh toán và bảo quản.

**Biểu số 2:**

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Số: 56

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0045664 ngày 25 tháng 10 năm 2011 của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh.

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: NV kế toán - Trưởng ban

+ Ông Nguyễn Thanh Hải Chức vụ: NV kỹ thuật - ủy viên

+ Ông Nguyễn Văn Thắng Chức vụ : Thủ kho - ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên vật tư	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL trên CT	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					SL thực tế	SL đúng phẩm chất	SL sai phẩm chất	
1	son ICI Dulux supreme cao cấp	Đếm, tính	kg	1086	1086	1086	0	

Kết quả kiểm nghiệm: đều đúng quy cách phẩm chất

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm số 56, cán bộ thu mua tiến hành lập phiếu nhập kho. Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và cùng người lập ký vào phiếu. Thủ kho giữ lại hai liên để sau đó chuyển một liên cho kế toán cùng hóa đơn mua hàng

**Biểu số 3:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số 01- VT

P. Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Số: 157

Nợ TK: 152

Có TK:112

Họ và tên người giao hàng : Công ty TNHH Hải Phong

Hóa đơn: số 0045664 ngày 25 tháng 10 năm 2011

Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 56 ngày 25 tháng 10 năm 2011

Nhập kho tại: công ty

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
1	son ICI Dulux supreme cao cấp	kg	1086	1086	56.600	61.467.600
	Cộng					61.467.600

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn

*Ngày 25 tháng 10 năm 2011*

**Giám đốc**    **Người lập phiếu**    **Người giao hàng**    **Thủ kho**    **Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)    (ký, họ tên)    (ký, họ tên)    (ký, họ tên)    (ký, họ tên)

Ngoài những chứng từ trên thì đối với mỗi nguồn nhập sẽ có thêm một số chứng từ kế toán ban đầu khác.

Khi công ty mua nguyên vật liệu bằng tiền tạm ứng thì sẽ sử dụng “ giấy đề nghị tạm ứng”. Đối với trường hợp công ty thanh toán bằng tiền mặt kế toán sẽ lập “ phiếu chi”. Trường hợp công ty thanh toán bằng hình thức chuyển khoản nên sẽ viết giấy Ủy nhiệm chi gửi ngân hàng Công ty có tài khoản đủ số dư thanh toán hộ. Ủy nhiệm chi được viết thành 3 liên: 1 liên giao cho khách hàng, 1 liên gửi ngân hàng, 1 liên giữ lại để ghi sổ kế toán. Sau khi ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền trả cho khách hàng, ngân hàng gửi về cho công ty 1 liên của Ủy nhiệm chi kèm theo Sổ phụ để thông báo việc thanh toán đã hoàn tất.

**VD2:** Ngày 05/11/2011 công ty CP XDPT Đức Thịnh đã mua xi măng PC30 của công ty TNHH Hòa Hải theo hóa đơn GTGT số 0051243 với số lượng là 50 tấn, giá mua chưa thuế GTGT 10% là 801.500 đ/tấn, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Các chứng từ liên quan đến thủ tục nhập kho được tiến hành như sau:

**Biểu số 4:**

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**AA/2011B**

Liên 2: Giao cho khách hàng

**0051243**

*Ngày 05 tháng 11 năm 2011*

Đơn vị bán hàng:..... **CÔNG TY TNHH HÒA HẢI**  
 Địa chỉ:..... 102 Nam Trung- Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh  
 Số tài khoản:..... **MST: 5700354786**  
 Điện thoại:.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Phương

Tên đơn vị: công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

Số tài khoản:102020000237856

Hình thức thanh toán : CK MS: 5700491296

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xi măng PC 30	Tấn	50	801.500	40.075.000
Cộng tiền hàng:					40.075.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	4.007.500
Tổng cộng thanh toán					44.082.500
Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 5:**

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Ngày 05 tháng 11 năm 2011

Số: 64

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0051243 ngày 05 tháng 11 năm 2011 của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh.

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: NV kế toán - Trưởng ban

+ Ông Nguyễn Văn Thanh Chức vụ: NV kỹ thuật - ủy viên

+ Ông Nguyễn Văn Thắng Chức vụ: Thủ kho - ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên vật tư	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL trên CT	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					SL thực tế	SL đúng phẩm chất	SL sai phẩm chất	
1	Xi măng PC30	Đếm, tính	Tấn	50	50	50	0	

Kết quả kiểm nghiệm: đều đúng quy cách phẩm chất

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm số 64, cán bộ thu mua tiến hành lập phiếu nhập kho. Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và cùng người lập ký vào phiếu. Thủ kho giữ lại hai liên để sau đó chuyển một liên cho kế toán cùng hóa đơn mua hàng

**Biểu số 6:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số 01- VT

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 05 tháng 11 năm 2011

Số: 194

Nợ TK: 152

Có TK:112

Họ và tên người giao hàng : Công ty TNHH Hòa Hải

Hóa đơn: số 0051243 ngày 05 tháng 11 năm 2011

Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 64 ngày 05 tháng 11 năm 2011

Nhập kho tại: công ty

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Xi măng PC 30	Tấn	50	50	801.500	40.075.000
	Cộng					40.075.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng  
chẵn

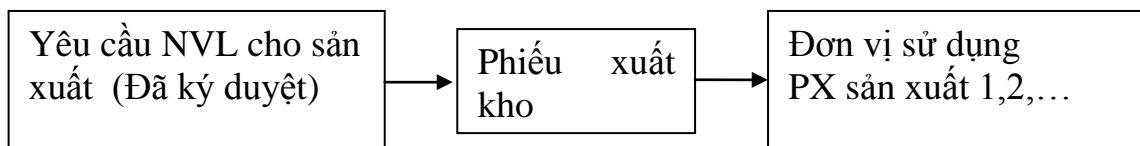
*Ngày 05 tháng 11 năm 2011*

**Giám đốc**      **Người lập phiếu**      **Người giao hàng**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)

**2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:**

Khi có nhu cầu sử dụng vật liệu, đội trưởng đội xây dựng đề nghị xuất vật liệu với giám đốc. Sau đó giám đốc viết lệnh xuất vật tư và chuyển sang cho phòng kế hoạch vật tư lập phiếu xuất kho. Nhận được phiếu xuất kho, thủ kho cho xuất kho theo yêu cầu, khi xuất vật liệu thủ kho phải ghi rõ số lượng thực xuất lên phiếu xuất kho và thẻ kho. Phiếu xuất kho được thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng, người nhận vật tư và thủ kho ký tên. Phiếu xuất kho được lập làm 3 liên:

- 1 liên giao cho thủ kho giữ để làm căn cứ ghi thẻ kho
- 1 liên gửi cho kế toán nguyên vật liệu
- 1 liên giao cho người nhận vật tư.



**VD:** Ngày 15/11/2011 công ty xuất 15 tấn xi măng PC30 cho đội thi công số 1. Đội trưởng đội thi công số 1 lên đề nghị Giám đốc xuất 15 tấn xi măng để phục vụ thi công. Sau đó Giám đốc viết lệnh xuất vật tư

**Biểu số 7:**

**LỆNH XUẤT VẬT TƯ**

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	152XM	Xi măng PC30	Tấn	15
.....				

Người lập phiếu                      Người nhận hàng                      Thủ kho                      Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)

Có lệnh xuất vật tư của Giám đốc phòng vật tư sẽ lập phiếu xuất kho và chuyển cho thủ kho để xuất vật tư. Phiếu xuất kho lập làm 3 liên thủ kho giữ lại 2 liên sau đó chuyển một liên lên cho kế toán nguyên vật liệu.



**Biểu số 8:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số 02- VT

P. Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

Số: 234

Nợ TK: 154

Có TK: 152

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ: công trường nhà văn hóa phường Nam Khê

Lý do xuất: Phục vụ thi công

Xuất tại kho: công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Xi măng PC 30	152XM	Tấn	15	15	801.500	12.022.500
	Cộng						12.022.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng

Số chứng từ gốc kèm theo.....

*Ngày 15 tháng 11 năm 2011*

**Giám đốc**

**Người lập phiếu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán**

**trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

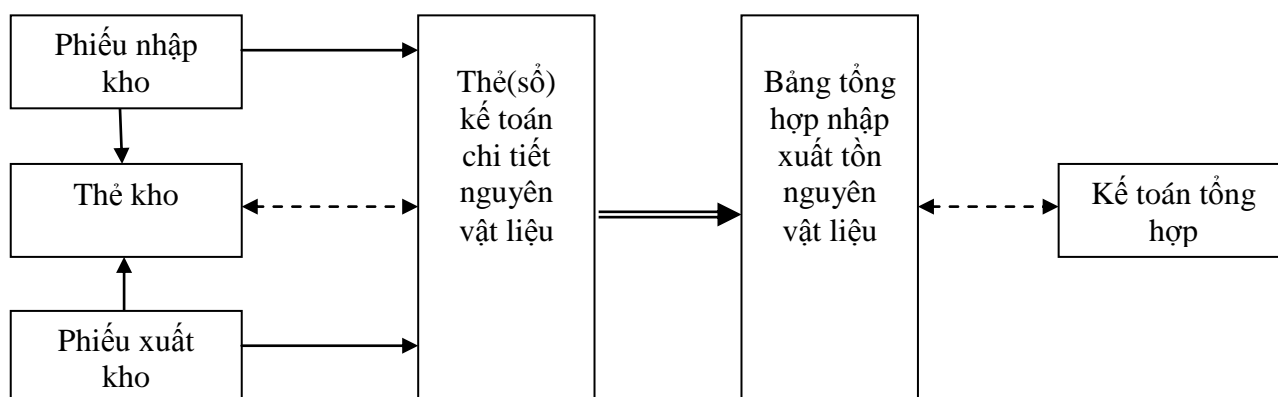
## 2.2.5. Kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

### 2.2.5.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của công ty chiếm 1 tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập- xuất- tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập xuất diễn ra hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu.

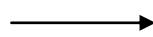
Tổ chức tốt kế toán chi tiết nguyên vật liệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công tác bảo quản nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu, công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh đã lựa chọn phương pháp “thẻ song song” để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Nhưng tại công trình ở địa phương khác hay nằm xa địa điểm kho của công ty thì được mua về, xuất thẳng cho thi công và không tiến hành kế toán chi tiết nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu mua về, xuất dùng đều có hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng kèm theo, đối với công trình khoán gọn thì định kỳ kế toán đến công trường để nhận hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng để tiến hành hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu. Trường hợp không có hóa đơn hay biên lai mua hàng như xăng dầu thì kế toán căn cứ vào phiếu chi để hạch toán. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song được tóm tắt theo sơ đồ sau: **Sơ đồ 11**

#### Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

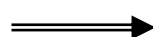


Ghi chú:

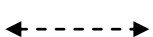
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu kiểm tra



- Ở kho : Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

- Ở phòng kế toán: mở sổ( thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương đương thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do các thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

**VD:**

**Biểu số 9:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S12-DN

P.Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ:

Tờ số: 03

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng PC30

Đơn vị tính: tấn

Mã số: 152XM

NT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký XN của KT
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>SDDK</b>				-	
01/11	PN 190		Mua xm của cty TNHH Hòa Hải	01/11	20			
05/11	PN 194		Mua xm của ctòa TNHH Hòa Hải	05/11	50			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
15/11		PX 234	Xuất cho đội thi công số 1	15/11		15		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
02/12		PX 245	Xuất cho đội thi công số 2	02/12		55		
			Cộng phát sinh		70	70		
			<b>SDCK</b>				-	

Thủ kho  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

**Biểu số 10:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S12-DN

P.Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ:

Tờ số: 02

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sơn ICI Dulux Supreme cao cấp

Đơn vị tính: kg

Mã số: 152Dulux

NT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký XN của KT
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			<b>SDDK</b>				-	
01/10	PN 150		Mua Sơn của cty TNHH Hải Phong	01/10	100			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
25/10	PN 157		Mua sơn của cty TNHH Hải Phong	25/10	1086			
05/12		PX 246	Xuất cho đội thi công số 2	05/12		1186		
			Cộng phát sinh		1186	1186		
			<b>SDCK</b>				-	

Thủ kho

( ký, họ tên)

Kế toán trưởng

( ký, họ tên)

**Biểu số 11:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P. Nam Khê - Ưông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số S10- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM , HÀNG HÓA )**

Năm 2011

Tài khoản: 152

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ( sản phẩm, hàng hóa): Xi măng PC 30

Đơn vị tính: Tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b>SDDK</b>							-	-
		.....								
PNK 190	01/11	Mua Xi măng	112	801.500	20	16.030.000				
PNK194	05/11	Mua xi măng	112	801.500	50	40.075.000				
PXK 234	15/11	Xuất cho đội thi công số 1	154	801.500			15	12.022.500		
PXK 245	02/12	Xuất cho đội thi công số 2	154	801.500			55	44.082.500		
		<b>Cộng phát sinh</b>			70	56.105.000	70	56.105.000		
		<b>SDCK</b>							-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 12:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P. Nam Khê - Ưông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số S10- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM , HÀNG HÓA )**

Năm 2011

Tài khoản: 152

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ( sản phẩm, hàng hóa): Sơn ICI Dulux supreme cao cấp

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b>SDDK</b>							-	-
		.....								
PNK 150	01/10	Mua sơn	111	56.600	100	5.660.000				
PNK157	25/10	Mua sơn	112	56.600	1086	61.467.600				
PXK 246	05/12	Xuất cho đội thi công số 2	154	56.600			1186	67.127.600		
		<b>Cộng phát sinh</b>			1186	67.127.600	1186	67.127.600		
		<b>SDCK</b>							-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Cuối năm từ các sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán ghi vào bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn NVL

**Biểu số 13:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S11 - DN

P. Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Năm: 2011

STT	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dc,sp,hh	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	152XM	Xi măng PC 30	Tấn	-	-	70	56.105.000	70	56.105.000	-	-
2	152 Dulux	Sơn ICI Dulux supreme cao cấp	kg	-	-	1186	67.127.600	1186	67.127.600	-	-
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng					28.286.193.925		28.286.193.925		-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)



### **2.2.5.2.Hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho ...

➤ Sổ sách sử dụng:

- sổ cái
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

➤ Tài khoản sử dụng

Tại công ty, kế toán vật liệu sử dụng một số tài khoản sau:

- TK 152: nguyên vật liệu

+ các nghiệp vụ nhập vật liệu, còn sử dụng thêm các TK sau:

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 331: phải trả người bán...

+ Các nghiệp vụ xuất vật liệu, còn sử dụng thêm các TK sau:

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh áp dụng phương pháp “ Kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ”

#### **2.2.5.2.1.Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu**

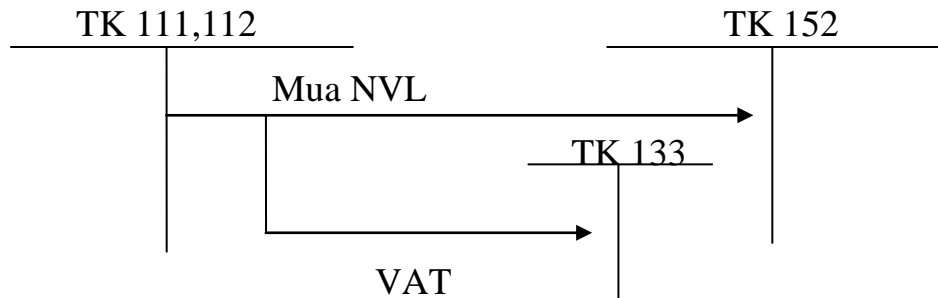
Nguyên vật liệu của công ty hầu hết là mua ngoài từ các công ty, xí nghiệp. Đối với những vật tư mua lẻ, có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Với những vật tư có giá trị lớn không thể thanh toán ngay như trên được thì kế toán phản ánh theo dõi công nợ phải trả người cung cấp vật tư đến khi có điều kiện thanh toán thì công ty dùng hình thức chuyển khoản bằng tiền gửi ngân hàng để thanh toán.

Cụ thể hạch toán nguyên vật liệu nhập kho được thực hiện như sau:

a. Nhập kho NVL mua ngoài, thanh toán ngay tiền hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ mua NVL trả tiền ngay, từ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi hoặc giấy báo Nợ của ngân hàng, kế toán tiến hành kiểm tra và định khoản trên phiếu nhập.

Mô hình hạch toán nghiệp vụ nhập kho, thanh toán ngay :



**VD:** Ngày 05/11/2011 công ty CP XDPT Đức Thịnh đã mua xi măng PC30 của công ty TNHH Hòa Hải theo hóa đơn GTGT số 0051243 với số lượng là 50 tấn, giá mua chưa thuế GTGT 10% là 801.500 đ/tấn, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0051243 và phiếu nhập kho của thủ kho chuyển lên phòng kế toán, kế toán tiến hành ghi đơn giá trên phiếu nhập kho và căn cứ vào đó ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 152. Căn cứ vào HĐGTGT và giấy báo nợ của ngân hàng gửi đến kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 112.

**Biểu số 14:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DN

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
25/10	HĐ GTGT 0045664	25/10	Mua sơn ICI Dulux supreme cao cấp	152 133 112	61.467.600 6.146.700	67.614.360
05/11	HĐ GTGT 0051243	05/11	Mua xi măng PC 30 của cty Hòa Hải	152 133 112	40.075.000 4.007.500	44.082.500
			.....			
15/11	Px 234	15/11	Xuất cho đội thi công số 1	154 152	12.022.500	12.022.500
			.....			
			Cộng phát sinh		332.360.891.134	332.360.891.134

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 15:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SDĐK</b>			-	
			.....				
25/10	PN 157	25/10	Mua sơn của Cty TNHH Hải Phong		112	61.467.600	
05/11	PN 194	05/11	Mua xi măng của Cty TNHH Hòa Hải		112	40.075.000	
15/11	PX 234	15/11	Xuất xi măng cho đội thi công số 1		154		12.022.500
			.....				
			Cộng phát sinh			28.286.193.925	28.286.193.925
			<b>SDCK</b>			-	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

( ký, họ tên)

(ký, họ tên)

( ký, họ tên, đóng dấu)

Đồng thời với việc ghi các sổ kế toán nguyên vật liệu kế toán ghi sổ cái tài khoản 112 khi có giấy báo nợ của ngân hàng gửi cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

**Biểu số 16:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P.Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng  
Số hiệu: 112

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày ký chung	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SDDK</b>			483.001.178	
			.....				
25/10	HĐGTGT 0045664	25/10	Thanh toán tiền mua sơn cho cty TNHH Hải phong		152 133		61.467.600 6.146.700
05/11	HĐGTGT 0051243	05/11	Thanh toán tiền mua xi măng		152 133		40.075.000 4.007.500
			.....				
			Cộng phát sinh			50.767.259.926	45.504.687.817
			<b>SDCK</b>			5.745.573.288	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký, họ tên, đóng dấu)

b. Nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài, chưa thanh toán ngay  
Khi mua nguyên vật liệu doanh nghiệp hay mua theo hình thức trả chậm vì hình thức này rất có lợi cho doanh nghiệp trong việc tạo điều kiện cho việc luân h vốn lưu động. Để theo dõi tình hình thu mua theo hình thức này kế toán phải sử dụng thêm sổ kế toán chi tiết thanh toán với người mua người bán và sổ tổng hợp thanh toán với người bán.

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 331

**VD:** Ngày 25/11/ 2011 công ty mua 400m<sup>2</sup> gạch ốp 200X300 với đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 78.000đ/m<sup>2</sup> của công ty TNHH Khang Nguyên, chưa thanh toán.

Khi hàng về kho thủ kho cùng các nhân viên khác tiến hành kiểm nhận, làm thủ tục nhập kho và lập phiếu nhập kho. Một của phiếu nhập kho được chuyển lên cho kế toán cùng hóa đơn GTGT. Khi kế toán nhận được HĐGTGT số 0057368 và phiếu nhập kho số 215 thì tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 152, đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán người bán và sổ cái tài khoản 331.

**Biểu số 17:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DN

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
25/10	HĐ GTGT 0045664	25/10	Mua sơn ICI Dulux supreme cao cấp	152 133 112	61.467.600 6.146.700	67.614.360
05/11	HĐ GTGT 0051243	05/11	Mua xi măng PC 30 của cty Hòa Hải	152 133 112	40.075.000 4.007.500	44.082.500
25/11	HĐ GTGT 0057368	25/11	Mua gạch ốp 200X300	152 133 331	31.200.000 3.120.000	34.320.000
			.....			
15/11	Px 234	15/11	Xuất cho đội thi công số 1	154 152	12.022.500	12.022.500
			.....			
			Cộng phát sinh		332.360.891.134	332.360.891.134

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

**Biểu số 18:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P.Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SDDK</b>				2.234.544.050
			.....				
01/10	PC 240	01/10	Trả tiền mua xi măng cho công ty Hòa Hải		111	33.056.000	
25/11	HĐ GTGT 0057368	25/11	Mua gạch ốp của cty Khang Nguyên		152 133		31.200.000 3.120.000
			.....				
			Cộng phát sinh			26.843.448.554	32.615.875.675
			<b>SDCK</b>				8.006.971.170

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 19:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P.Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh

Mẫu số S31-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA( NGƯỜI BÁN)**

TK: 331

Đối tượng: Cty TNHH Khang Nguyên

Loại tiền: VND

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SDDK</b>					-
			.....					
25/11	HĐ GTGT 0057368	25/11	Mua gạch ốp 200x300	152		31.200.000		
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		3.120.000		
12/12	GBN 74	12/12	Thanh toán tiền mua gạch	111	34.320.000			
			Cộng phát sinh		78.320.000	78.320.000		-
			<b>SDCK</b>					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

**Biểu số 20:**

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: phải trả người bán

Số hiệu: 331

Năm: 2011

STT	Tên đối tượng	SDDK		SPS Trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH Hòa Hải		247.000.000	560.000.000	650.000.000		337.000.000
2	Cty TNHH Khang Nguyên		-	78.320.000	78.320.000		-
	.....						
	Cộng		2.234.544.050	26.843.448.554	32.615.875.675		8.006.971.170

c. Nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài bằng tiền tạm ứng

Tạm ứng cho nhân viên đi mua vật liệu bằng tiền mặt. Nhân viên thu mua viết đơn đề nghị tạm ứng trên đó ghi rõ tên vật liệu, mặt hàng cần mua, chủng loại, số lượng cụ thể. Khi đó phòng vật tư xem xét phê duyệt và kế toán viết phiếu chi tiền. Sau đó kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản 141 “ tạm ứng”. Khi mua vật liệu về sẽ được thanh toán tạm ứng. Đối với các công trình giao khoán hoàn toàn cho đội thi công thì định kỳ kế toán đến công trường để nhận hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng để tiến hành hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu. Trường hợp không có hóa đơn hay biên lai mua hàng như xăng, dầu thì kế toán căn cứ vào phiếu chi để hạch toán. Đội trưởng đội thi công sẽ nhận tạm ứng theo khối lượng giao khoán. Khi công trình hoàn thành sẽ được hoàn tạm ứng.

Nợ TK 154:

Nợ TK 133:

Có TK 141:

**VD:** Ngày 05/09/2011, ông Nguyễn Văn Thắng- đội thi công số 1 mua vật tư của công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hải Phương, chuyển thẳng đến chân công trình nhà văn hóa huyện Yên Hưng. Tổng tiền thanh toán là 196.054.672 đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Đã thanh toán hết bằng tiền tạm ứng của công ty.

**Biểu số 21:**

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**AA/2011B**

Liên 2: Giao cho khách hàng

**0067345**

Ngày 05 tháng 09 năm 2011

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CPĐTXD & TM HẢI PHƯƠNG
Địa chỉ:.....	44 Nam Trung- Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh
Số tài khoản:.....	<b>MST: 5700122908</b>
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thắng

Tên đơn vị: công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

Số tài khoản:102020000237856

Hình thức thanh toán : CK MS: 5700491296

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép tấm	kg	2560	12.317	31.531.520
2	Van khóa	Cái	15	280.000	4.200.000
3	Gỗ chống	M <sup>3</sup>	50	2.850.000	142.500.000
Cộng tiền hàng:					178.231.520
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					17.823.152
Tổng cộng thanh toán					196.054.672
Số tiền viết bằng chữ : Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bảy hai đồng					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0067345, nhân viên kế toán đội xây dựng

Số 1 tiến hành ghi sổ tại đội. Định kỳ kế toán xuống đội xây dựng nhận hóa đơn, căn cứ vào hóa đơn kế toán tiến hành lập bảng kê về khối lượng xây lắp hoàn thành, phiếu tính giá công trình nhà văn hóa huyện Yên Hưng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0067345 kế toán ghi sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết tài khoản 141 và sổ cái tài khoản 141, sổ cái tài khoản 154.

Nợ TK 154 01: 178.231.520

Nợ Tk 1331 : 17.823.152

Có TK 141 01: 196.054.672

Khi khối lượng công việc giao khoán hoàn thành, và được bàn giao, thanh toán tạm ứng, kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ liên quan đến tạm ứng để ghi sổ.

**VD:** Ngày 23/12/2011 công trình nhà văn hóa huyện Yên Hưng hoàn thành, công ty tiến hành thanh toán tạm ứng với ông Nguyễn Văn Thắng. Ông Nguyễn Văn Thắng nhận được nhận thêm tiền tạm ứng là 96.054.672 đ.

**Biểu số 22:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DN

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
05/09	HĐ GTGT 0067345	05/09	Chi phí vật tư	154 133 141	178.231.520 17.823.152	196.054.672
01/12	PX 244	01/12	Xuất vật liệu cho đội thi công số 2	154 152	13.456.000	13.456.000
03/12	PX245	03/12	Xuất vật liệu cho đội thi công số 1	154 152	23.500.000	23.500.000
23/12	PC 283	23/12	Thanh toán kl xây lắp	141 111	96.054.672	96.054.672
			.....			
			Cộng phát sinh		332.360.891.134	332.360.891.134

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 23:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

P.Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 141**

Ông Nguyễn Văn Thắng- Đội thi công số 1

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SĐĐK</b>				-	
			.....					
25/08	PC 200	25/08	Chi tạm ứng	111	100.000.000			
05/09	HĐ GTGT 0067345	05/09	Chi phí vật tư	154		178.231.520		
			Thuế GTGT KT	133		17.823.152		
23/12	PC 283	23/12	Thanh toán kl xây lắp	111	96.054.672			
			.....					
			Cộng phát sinh		196.054.672	196.054.672		
			<b>SDCK</b>				-	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Biểu số 24:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

P.Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Tạm ứng

Số hiệu: 141

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SDDK</b>			-	
			.....				
25/08	PC 200	25/08	Chi tiền tạm ứng cho đội thi công số 1		111	100.000.000	
15/09	PC 215	15/09	Chi tiền tạm ứng cho đội thi công số 2		112	24.000.000	
05/09	HĐ GTGT 0067345	05/09	Chi phí vật tư		154		178.231.520
			Thuế GTGT kt		133		17.823.152
23/12	PC 283	23/12	Thanh toán kl xây lắp		111	96.054.672	
			.....				
			Cộng phát sinh			278.000.000	278.000.000
			<b>SDCK</b>			-	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký, họ tên, đóng dấu)

Từ hóa đơn GTGT số 0067345 kế toán ghi vào bảng kê chi phí công trình nhà văn hóa Huyện Yên Hưng , để xác định giá trị vật liệu xuất dùng cho từng công trình.



**Biểu số 25:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

P.Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh

**BẢNG KÊ CHI TIẾT CHI PHÍ**

Công trình: Nhà văn hóa huyện Yên Hưng

Chứng từ		Nội dung	ĐVT	SL	Giá chưa thuế	Thuế GTGT		Giá thanh toán	GC
SH	NT					%	Thuế		
		VẬT LIỆU							
		.....							
HĐ 0053484	20/08	Mua xi măng	Tấn	30	24.045.000	10	2.404.500	26.449.500	
HĐ 0061207	08/09	Mua thép tròn D<=10mm	kg	5050	58.918.350	10	5.891.835	64.810.185	
		.....							
		Tổng			2.768.504.000		276.850.400	3.045.354.400	
		NHÂN CÔNG							
		.....							
		CHI PHÍ CHUNG							
		TỔNG CỘNG							

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

**Biểu số 26:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03b-DN

P.Nam Khê- Ưông Bí- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày ký chung	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SDDK</b>			695.979.219	
			.....				
15/11	PX 234	15/11	Xuất vật liệu cho đội thi công số 1		152	12.022.500	
12/12	PX247	12/12	Xuất vật liệu cho đội thi công số 2		152	22.000.000	
05/09	HĐ GTGT 0067345	05/09	Chi phí vật tư		141	178.231.520	
			.....				
			Cộng phát sinh			42.389.433.549	33.204.404.847
			<b>SDCK</b>			9.881.007.919	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.5.2.2. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu**

Tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, nguyên vật liệu xuất kho chỉ sử dụng cho quá trình thi công. Các nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu được phản ánh trên phiếu xuất kho. Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào phiếu xuất kho phát sinh trong tháng để tiến hành tập hợp, phân loại nguyên vật liệu theo từng loại phù hợp với từng đối tượng sử dụng. Căn cứ vào phiếu xuất kho nguyên vật liệu kế toán tính ra giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp đích danh và lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Sau đó kế toán nguyên vật liệu tổng hợp chi phí nguyên vật liệu theo từng công trình dựa trên nội dung các phiếu xuất kho.

VD: Căn cứ vào phiếu xuất kho số 234 của thủ kho gửi lên cho phòng kế toán, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 152 và sổ cái TK154

**Biểu số 27:**

Cty CPXD PT Đức Thịnh

Mẫu số S03a-DN

P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
25/10	HĐ GTGT 0045664	25/10	Mua sơn ICI Dulux supreme cao cấp	152 133 112	61.467.600 6.146.700	67.614.360
05/11	HĐ GTGT 0051243	05/11	Mua xi măng PC 30 của cty Hòa Hải	152 133 112	40.075.000 4.007.500	44.082.500
			.....			
15/11	Px 234	15/11	Xuất cho đội thi công số 1	154 152	12.022.500	12.022.500
			.....			
			Cộng phát sinh		332.360.891.134	332.360.891.134

Ngày 31 tháng 12 năm

2011

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 28:**

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

Cty CPXD PT Đức Thịnh  
P. Nam Khê- Uông Bí- Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DN  
( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			<b>SĐĐK</b>			-	
			.....				
25/10	PN 157	25/10	Mua sơn của Cty TNHH Hải Phong		112	61.467.600	
05/11	PN 194	05/11	Mua xi măng của Cty TNHH Hòa Hải		112	40.075.000	
15/11	PX 234	15/11	Xuất xi măng cho đội thi công số 1		154		12.022.500
			.....				
			Cộng phát sinh			28.286.193.925	28.286.193.925
							5
			<b>SDCK</b>			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

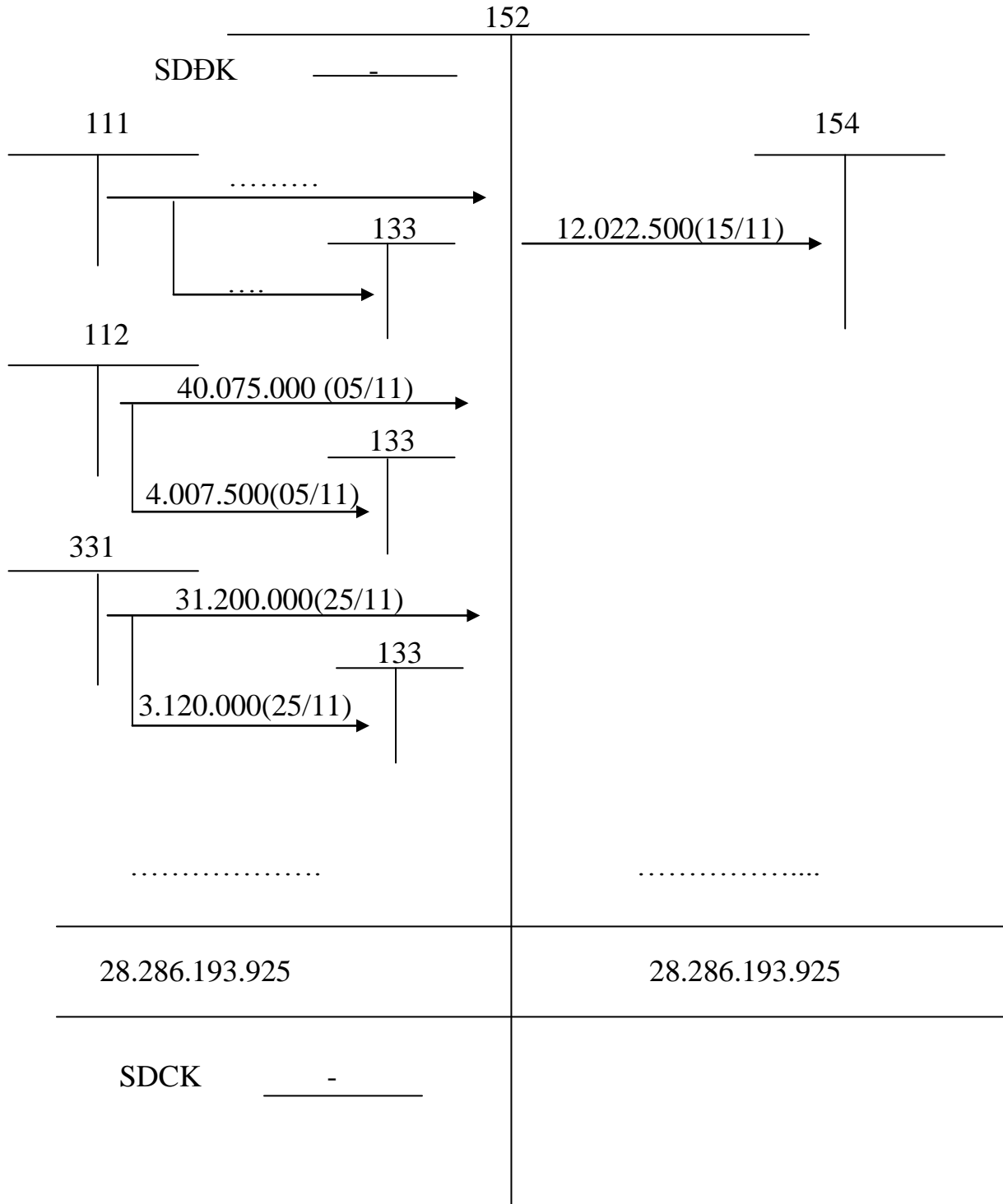
Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký, họ tên, đóng dấu)

Qua các ví dụ trên ta có sơ đồ sau:

**Sơ đồ số 12:** Sơ đồ hạch toán tổng hợp TK 152

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)



## CHƯƠNG 3:

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỨC THỊNH

### 3.1. Đánh giá về sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh

#### 3.1.1. Những ưu điểm:

1) Công tác sản xuất kinh doanh: Công ty đã xây dựng được kế hoạch sản xuất một cách chặt chẽ, có hiệu quả, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

Lợi nhuận năm 2010: 68.355.309

Lợi nhuận năm 2011: 143.700.479

Người lao động có công ăn việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo.

2) Mô hình bộ máy quản lý: Được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng đơn giản, gọn nhẹ, phân định rõ chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, phân xưởng đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, phát huy được tính chủ động sáng tạo của các đơn vị, không qua cấp trung gian, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh.

3) Tổ chức quản lý: Cán bộ quản lý được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có kiến thức

4) Bộ máy kế toán: Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mô hình gọn nhẹ thích ứng nhanh với những thay đổi và phù hợp với quy mô của công ty. Đội ngũ nhân viên kế toán nhiệt tình, yêu nghề, được phân công công việc phù hợp với chuyên môn, được tham gia lớp học tiếp cận với những thay đổi về chế độ tài chính do nhà nước ban hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo vào thực tiễn công ty.

5) Tài khoản KT sử dụng:

Công ty đã vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6) Sổ kế toán: Công ty đã áp dụng ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

Hình thức nhật ký chung đơn giản, dễ ghi chép, chi tiết, dễ xem, dễ kiểm tra, dễ hiểu phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm kinh doanh của công ty.

7) Tổ chức quản lý kế toán nguyên vật liệu: Được tổ chức theo đúng quy định của nhà nước từ khâu mua vào, xuất ra, tính giá nguyên vật liệu.

### **3.1.2. Nhược điểm:**

1) Công ty chưa hạch toán chi tiết nguyên vật liệu:

Ảnh hưởng:

- Công ty không nắm được tình hình sử dụng từng loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Không nắm được nhu cầu sản xuất cần những loại nguyên vật liệu nào.

2) Công ty không theo dõi nguyên vật liệu đã mua đang đi đường

Ảnh hưởng:

- Công ty không nắm được tình hình nguyên vật liệu đã mua đang đi trên đường

- Doanh nghiệp không thể đưa ra được kế hoạch sử dụng và kế hoạch mua nguyên vật liệu tiếp nữa hay thôi.

3) Công ty chưa hạch toán chính xác nguyên vật liệu giao tận chân công trình

Ảnh hưởng:

- Luân chuyển chứng từ chậm  $\longrightarrow$  bỏ sót chứng từ  $\longrightarrow$  chất lượng công trình giảm, giá thành công trình tăng.

- Nguyên vật liệu mua xuất thẳng đến chân công trình không được quản lý chặt chẽ, giá trị NVL mua và nhận không khớp nhau làm ảnh hưởng công tác kế toán, giá thành công trình.

4) Công ty sử dụng mẫu sổ chưa đúng theo quy định

Công ty sửa sổ theo ý của công ty

Ảnh hưởng:



- Sai chế độ chính sách.
- Không thấy được mối quan hệ giữa các cột với nhau
- Ảnh hưởng đến các sổ khác.

5) Công ty không theo dõi từng khoản mục chi phí

Ảnh hưởng:

- không nắm bắt được giá trị từng khoản chi phí trong tổng giá thành công trình.

6) Công ty chưa có cách bảo quản nguyên vật liệu: đặc biệt là những nguyên vật liệu công kênh để ngoài trời.

Ảnh hưởng:

- Chất lượng nguyên vật liệu
- Ô nhiễm môi trường
- Chiếm nhiều vị trí

7) Công ty chưa áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý, Công tác kế toán.


Ảnh hưởng:

- Không đảm bảo độ chính xác trong công tác tính toán
- Thời gian hoàn thành chậm
- Lưu trữ gặp khó khăn

### ***3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại***

 Nguyên nhân khách quan:

- Do hoạt động sản xuất của công ty đều diễn ra ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết gây khó khăn trong công tác sản xuất cũng như quản lý nguyên vật liệu

 Nguyên nhân chủ quan:

- Do điều kiện tài chính còn hạn chế công ty chưa ưu tiên đầu tư cho đổi mới trong quản lý nói chung và hạch toán kế toán nói riêng, ví dụ như việc mua một phần mềm kế toán ứng dụng có hiệu quả đối với điều kiện công ty là khá tốn kém
- Do cán bộ công nhân viên đã quen với cách làm việc lâu nay lên khó có thể

thay đổi cung cách, suy nghĩ trong làm việc

- Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và ứng dụng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống cũng như trong hạch toán kế toán, do đó doanh nghiệp cũng phải đổi mới theo để công tác kế toán của công ty được nhanh chóng và chính xác nếu không sẽ bị lạc hậu. Ngày nay phần mềm kế toán là một công cụ đắc lực giúp giảm bớt khối lượng công việc của kế toán và mang lại sự chính xác cao

- Do điều kiện để học tập lên cao của cán bộ nhân viên còn bị hạn chế.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết, yêu cầu hoàn thiện, nguyên tắc hoàn thiện, phạm vi và mức độ hoàn thiện***

##### ***3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện***

Để tồn tại, đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, các nhà quản lý phải đi sâu tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế.

Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty là nhằm:

- khắc phục những nhược điểm để quản lý và hạch toán được tốt hơn.
- Đáp ứng yêu cầu của quản lý, của sản xuất tránh tình trạng lãng phí nguyên vật liệu
- Giúp doanh nghiệp theo kịp với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

##### ***3.2.1.2. Yêu cầu hoàn thiện***

Từ thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu cần hoàn thiện hơn trong công chế quản lý mới.

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện từng bước, việc hoàn thiện không làm xáo trộn công tác quản lý và sản xuất của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách khách quan, chính xác và kịp thời.

- Đảm bảo tiết kiệm chi phí, thiết thực và khả thi.

### **3.2.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện**

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trong quản lý nói chung và trong phòng kế toán nói riêng. Để đáp ứng được yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp phải căn cứ vào những quy định của nhà nước và tuân thủ nguyên tắc sau:

- sai đến đâu sửa đến đấy
- Bộ phận nào sai thì sửa ở bộ phận đó
- Sửa dứt điểm và có định hướng
- Mang lại hiệu quả và tiết kiệm.

### **3.2.1.4. Phạm vi và mức độ hoàn thiện**

- Phạm vi hoàn thiện:
  - + Hoàn thiện toàn doanh nghiệp
  - + Hoàn thiện trong từng bộ phận
- Mức độ hoàn thiện:
  - + Hoàn thiện trong thời gian ngắn
  - + Hoàn thiện trong thời gian dài

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh**

1) Kế toán nên mở chi tiết các TK cấp 3, 4 của TK 152 để theo dõi

- Vật liệu chính 1521
- Vật liệu phụ 1522
- Nhiên liệu 1523
- Phụ tùng thay thế 1524...

Ảnh hưởng:

- Hạch toán riêng biệt, tách bạch nvl chính, phụ sẽ phản ánh đúng chức năng, công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất, đồng thời xây dựng được kế hoạch dự trữ NVL đúng mức.

- Việc mở thêm Tk 1522,1523,1524 sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại NVL khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn sai sót, đồng thời phản ánh theo đúng quy định của chế độ kế toán.

2) Công ty nên theo dõi nguyên vật liệu đã mua đang đi đường và mở sổ chi tiết TK 151

✚ Cách hạch toán:

Theo chế độ doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

Tk 151- Hàng mua đang đi đường

TK này dùng để phản ánh trị giá của từng loại hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, hoặc đã đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm định nhập kho.

Hạch toán TK này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Hàng hóa, vật tư được coi là thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho, bao gồm:

+ Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán nhưng còn để kho của người bán, ở bến cảng hoặc bến bãi hoặc đang trên đường vận chuyển.

+ Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nghiệm, kiểm nhận nhập kho.

- Kế toán hàng mua đang đi đường ghi nhận trên TK 151 theo nguyên tắc giá gốc được quy định trong chuẩn mực kế toán 02 “ hàng tồn kho”.

- Hàng ngày khi nhận được đơn mua hàng, nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn vào tập hồ sơ riêng “ Hàng mua đang đi đường”. Trong tháng nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào TK 152 “ Nguyên vật liệu”

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn mua hàng để ghi sổ vào TK 151 “ Hàng mua đang đi đường”

- Kế toán phải mở chi tiết, phải theo dõi hàng mua đang đi đường theo từng chủng loại hàng hóa, vật tư, từng lô hàng, từng hợp đồng kinh tế.

Kết cấu TK 151 như sau:

Bên Nợ: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu đang đi đường cuối tháng chưa về hoặc đã về tới doanh nghiệp nhưng chưa làm thủ tục nhập kho.

Bên Có: Phản ánh trị giá hàng đang đi đường kỳ trước đã về nhập kho hay đã chuyển giao cho bộ phận sử dụng

Dư Nợ: Giá trị hàng đang đi đường

Trình tự hạch toán như sau:

Trong tháng nếu có hóa đơn về nhưng hàng chưa về thì kế toán lưu hóa đơn vào tập hồ sơ “ Hàng mua đang đi đường”. Nếu trong tháng hàng về thì ghi sổ kế toán như bình thường, nhưng nếu cuối tháng mà hàng chưa về thì kế toán phản ánh:

Nợ TK 151

Nợ TK 133

Có TK 331,111,112...

3) Công ty nên theo dõi một cách chính xác nguyên vật liệu giao tận đến chân

công trình

- Để choviệc lưu chuyển chứng từ không bị chậm trễ, dẫn đến bỏ sót chứng từ thì mỗi khi có nguyên vật liệu được mua chuyển thẳng đến chân công trình, công ty nên cử một kế toán xuống tận nơi để làm thủ tục nhập nguyên vật liệu và thu thập chứng từ.

4) Công ty nên hoàn thiện mẫu sổ theo đúng quy định của Nhà Nước

Như trong sổ nhật ký chung nên cho thêm cột đã ghi sổ cái và số thứ tự dòng, ở sổ cái nên bổ sung cột nhật ký chung( trang, dòng).

- Cách hạch toán:

**Biểu số 29:**

Mẫu sổ nhật ký chung theo quy định:

Đơn vị:

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
			Cộng phát sinh					

**Biểu số 30:**

Mẫu sổ cái theo quy định:

Đơn vị:

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:

Tên tài khoản:

Số hiệu:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	dòng		Nợ	Có
			<b>SĐĐK</b>					
			.....					
			Cộng phát sinh					
			<b>SĐCK</b>					

Việc thêm cột vào mẫu sổ nhật ký chung và sổ cái như trên sẽ giúp cho kế toán thuận tiện hơn trong việc kiểm tra, theo dõi quá trình ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh được việc bỏ sót và nhầm lẫn. Cột đã ghi số cái để kế toán đánh dấu các nghiệp vụ đã được ghi vào sổ cái và được đối chiếu giữa thứ tự dòng của sổ nhật ký chung và cột nhật ký chung trang, dòng của sổ cái. Vì vậy khi có nhầm lẫn hay sai sót thì kế toán dễ dàng kiểm tra.

5) Công ty nên theo dõi chi tiết từng khoản mục chi phí

Để thuận tiện cho việc theo dõi giá trị từng khoản mục chi phí trong tổng giá thành công trình. Kế toán công ty nên mở sổ chi tiết TK 154

Mẫu sổ chi tiết như sau:

**Biểu số 31:**

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154**

Chi phí:

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDĐK			
			Cộng phát sinh			
			SDCK			

6) Công ty nên bảo quản nguyên vật liệu, đặc biệt là những nguyên vật liệu để ngoài trời

- Đối với những nguyên vật liệu có kích thước nhỏ thì nên để trong kho bảo quản

- Đối với những nguyên vật liệu công kênh như: sắt, thép do kích thước lớn không để được trong kho thì công ty nên tập trung chung gọn vào một chỗ và che đậy cẩn thận.

Làm được điều này thì công ty sẽ hạn chế được tối đa việc nguyên vật liệu

bị hư hỏng, mất phẩm chất, quản lý cũng dễ dàng hơn.

7) Công ty nên vận dụng KHKT vào trong công tác quản lý, công tác kế toán

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý, công tác kế toán của công ty là rất cần thiết.

Để có thể vận dụng KHKT thì công ty cần phải:

- Phải đầu tư vốn để mua máy móc, thiết bị
- Phải cử cán bộ đi học để được đào tạo một cách bài bản về việc ứng dụng

KHKT

- Phải có cán bộ chuyên trách, quản lý việc áp dụng khoa học kỹ thuật ở từng phòng ban, bộ phận.

Ảnh hưởng:

- Giúp cho việc thu thập, tính toán, xử lý và cung cấp thông tin một cách nhanh chóng kịp thời, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin

- Giúp cho công tác lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán thuận lợi và an toàn

- Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát nội bộ.



## KẾT LUẬN

Trong sản xuất kinh doanh, NVL chiếm 1 tỷ trọng lớn, đặc biệt là trong XDCCB. Việc sử dụng bảo quản, tiết kiệm hay không tiết kiệm sẽ làm giá thành tăng hoặc giảm. Việc hạch toán kế toán NVL cũng góp phần đáng kể vào việc quản lý. Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp xây dựng. Khóa luận “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh”. Phần nào đã nói lên vai trò của hạch toán kế toán nguyên vật liệu và sự cần thiết phải hoàn thiện hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh nói riêng và trong các doanh nghiệp XDCCB nói chung.

Khóa luận đề cập:

- Về lý luận: Đã nêu được những vấn đề cơ bản then chốt của nguyên vật liệu và kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp XDCCB nói riêng.

- Về thực tiễn: Đã phản ánh khách quan khách quan trung thực về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh với những số liệu, chứng từ, bảng biểu của năm 2011 minh chứng.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn khóa luận đã đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh nói riêng và đối với các doanh nghiệp XDCCB nói chung.

Các kiến nghị chủ yếu tập trung vào:

- + Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu
- + Theo dõi NVL đã mua đang đi đường
- + Hạch toán nguyên vật liệu giao tận chân công trình
- + Mẫu sổ công ty sử dụng
- + Theo dõi chi tiết từng khoản mục chi phí
- + Bảo quản nguyên vật liệu
- + Áp dụng KHKT vào trong công tác quản lý, công tác kế toán.

NVL trong xây dựng cơ bản rất đa dạng , phong phú, muôn hình, muôn vẻ song thời gian thì có hạn, trình độ năng lực còn quá khiêm tốn nên không tránh khỏi những sai sót, khiếm khuyết. Em mong nhận được ý kiến của BGĐ, phòng TC- KT và các phòng ban liên quan của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, của các thầy cô trong khoa, trong trường.

Đề tài được hoàn thiện nhờ sự giúp đỡ của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, của các thầy cô giáo trong trường , của thầy giáo hướng dẫn. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn BGĐ, phòng TC-KT, các phòng ban có liên quan của công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh, các thầy, cô giáo trong trường cùng thầy giáo hướng dẫn.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Thảo

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lý thuyết Kế toán tài chính – TS. Nguyễn Văn Công (Chủ biên).  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 2002.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán –  
NXB tài chính.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ  
kế toán, sơ đồ kế toán – NXB tài chính.
4. Luật kế toán – Hệ thống chuẩn mực kế toán – NXB tài chính.
5. Giáo trình kế toán quản trị- NXB Giáo dục  
Quyển 2 : Chế độ Báo cáo tài chính.
6. Luận văn tốt nghiệp khoá trước
7. Tài liệu, sổ sách kế toán Công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Đức Thịnh.